**SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.**

# BẢN CÁO BẠCH

PETROVIETNAM
PVFCCo
SOUTH EAST

## CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ ĐÔNG NAM BỘ
## (PVFCCo SE)

*(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 0305918852 (số cũ: 4104005809) do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 18/08/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 11/04/2012)*

## NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

*(Quyết định chấp thuận đăng ký niêm yết số: 139/2012/QĐ-SGDHCM*
do Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. HCM cấp ngày .11.. tháng .09.. năm 2012)

***Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại:***

**1. CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ ĐÔNG NAM BỘ (PVFCCo SE)**

Địa chỉ: Số 27 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 24, Q. Bình Thạnh, TP.HCM
Điện thoại: (84-08) 35 111 999 Fax: (84-08) 35 111 666

**2. CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ**

➢ *Trụ sở chính:*
Địa chỉ: 18 Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: 04.3934 3888 Fax: 04.3934 3999
Website: www.psi.vn Email: psi@psi.vn

➢ *Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh:*
Địa chỉ: 24-26 Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP.HCM.
Điện thoại: 08.3914 6789 Fax: 08.3914 6969

➢ *Chi nhánh Vũng Tàu:*
Địa chỉ: Phòng 112, Tòa nhà Petro Tower, Số 8 Hoàng Diệu, Tp.Vũng Tàu
Điện thoại: 064.6254 520 Fax: 064.6254 521

➢ *Chi nhánh Đà Nẵng:*
Địa chỉ: Số 53 Lê Hồng Phong, Quận Hải Châu, Tp.Đà Nẵng
Điện thoại: 0511. 3899 338 Fax: 0511.3899 339

***Phụ trách công bố thông tin***

Họ tên: Ông Phạm Tuấn Sơn Chức vụ: Phó giám đốc
Điện thoại: 0982060820

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ ĐÔNG NAM BỘ**
**(PVFCCo SE)**

*(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 0305918852 (số cũ: 4104005809) do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 18/08/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 11/04/2012)*

# NIÊM YẾT CỔ PHIẾU
# TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN
# THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

| | | |
|---|---|---|
| Tên cổ phiếu | : | Cổ phiếu Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ |
| Loại cổ phiếu | : | Cổ phiếu phổ thông |
| Mệnh giá | : | 10.000 đồng/cổ phiếu |
| Tổng số lượng niêm yết | : | 12.500.000 cổ phiếu |
| Tổng giá trị niêm yết | : | 125.000.000.000 đồng (theo mệnh giá) |

**TỔ CHỨC TƯ VẤN:**

**CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ**
***Trụ sở*** : 18 Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Tp.Hà Nội
Điện thoại: 04.3934 3888 Fax : 04.3934 3999
Email: psi@psi.vn Website: www.psi.vn
***Chi nhánh Tp.Hồ Chí Minh:*** 24-26, Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Q. 1, TP. HCM
Điện thoại: 08.3914 6789 Fax: 08.3914 6969
***Chi nhánh Vũng Tàu :*** P112, Tòa nhà Petro Tower, Số 8 Hoàng Diệu, Tp. Vũng Tàu
Điện thoại: 064.6254 520 Fax : 064.6254 521
***Chi nhánh Đà Nẵng*** : Số 53 Lê Hồng Phong, Quận Hải Châu, Tp. Đà Nẵng
Điện thoại: 0511.3899 338 Fax : 0511.3899 339

**TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:**

**CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**
Địa chỉ: Số 8, Phạm Ngọc Thạch, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: 04.3852 4123 Fax: 04.3852 4143
Website: www.deloitte.com.vn

# MỤC LỤC


I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO ..... 4

1. Rủi ro kinh tế ..... 4

2. Rủi ro luật pháp ..... 4

3. Rủi ro xuất phát từ đặc điểm kinh doanh ..... 5

4. Rủi ro tỷ giá ..... 6

5. Rủi ro biến động giá cổ phiếu niêm yết ..... 6

6. Rủi ro khác ..... 7

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH ..... 7

1. Tổ chức niêm yết ..... 7

2. Tổ chức tư vấn ..... 7

III. CÁC KHÁI NIỆM ..... 7

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT ..... 8

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển ..... 8

1.1. Giới thiệu về Công ty ..... 8

1.2. Lịch sử hình thành ..... 10

2. Thành tích ..... 11

3. Cơ cấu tổ chức Công ty ..... 11

4. Quá trình tăng vốn kể từ khi Công ty hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần ..... 15

5. Quá trình mua, bán cổ phiếu quỹ kể từ khi Công ty hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần ..... 16

6. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ ..... 16

6.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty ..... 16

6.2. Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ ..... 17

7. Danh sách những doanh nghiệp nắm quyền kiểm soát (chi phối) đối với PVFCCo SE, những doanh nghiệp PVFCCo SE hiện đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối ..... 17

8. Hoạt động kinh doanh ..... 17

8.1. Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ qua các năm ..... 17

**8.2. Nguyên vật liệu** ..... 19
**8.2.1. Nguồn hàng:** ..... 20
**8.3. Ảnh hưởng của giá cả hàng hóa đầu vào tới Doanh thu và lợi nhuận** ..... 21
**8.4. Chi phí sản xuất** ..... 21
**8.5. Trình độ công nghệ** ..... 22
**8.6. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới** ..... 22
**8.7. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ** ..... 23
**8.8. Chính sách giá cả** ..... 23
**8.9. Hoạt động Marketing** ..... 23
**8.10. Nhãn hiệu thương mại Công ty** ..... 24
**8.11. Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết** ..... 25
**9. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong 02 năm gần nhất** ..... **25**
**9.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động SXKD của Công ty trong 02 năm gần nhất** ..... 25
**9.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2011** ..... 27
**9.3. Về báo cáo tài chính năm 2009** ..... 28
**10. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác cùng ngành** ..... **28**
**10.1. Vị thế của Công ty trong ngành** ..... 28
**10.2. Triển vọng phát triển của ngành** ..... 29
**10.2.1. Triển vọng phát triển của thị trường phân bón** ..... 29
**10.2.2. Triển vọng phát triển của thị trường phân bón tại khu vực Đông Nam Bộ** ..... 31
**10.2.3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng phát triển của ngành, chính sách của nhà nước và xu thế chung của thế giới** ..... 32
**11. Chính sách đối với người lao động** ..... 33
**11.1. Số lượng người lao động trong Công ty** ..... 33
**11.2. Chính sách đào tạo, lương và các chính sách đãi ngộ khác** ..... 34
**12. Chính sách cổ tức** ..... 35
**13. Tình hình hoạt động tài chính** ..... 35
**13.1. Các chỉ tiêu cơ bản** ..... 36
**13.1.1. Trích khấu hao TSCĐ** ..... 36
**13.1.2. Mức lương bình quân** ..... 36
**13.1.3. Thanh toán các khoản nợ đến hạn** ..... 37
**13.1.4. Các khoản phải nộp theo luật định** ..... 37
**13.1.5. Trích lập các quỹ theo luật định** ..... 37
**13.1.6. Tổng dư nợ vay** ..... 37
**13.1.7. Tình hình công nợ hiện nay** ..... 38

**13.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu** ..... 39
**14. Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng, Ban Kiểm soát** ..... 41
**14.1. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc:** ..... 41
**14.2. Kế Toán Trưởng – VÕ NGỌC PHƯƠNG** ..... 49
**14.3. Thành viên Ban kiểm soát** ..... 51
**15. Tài sản** ..... 54
**16. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức dự kiến đạt được trong các năm tiếp theo** ..... 55
**16.1. Kế hoạch kinh doanh của Công ty giai đoạn 2011 – 2015** ..... 55
**16.2. Kế hoạch đầu tư:** ..... 57
**16.3. Biện pháp thực hiện** ..... 58
**17. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức** ..... 62
**18. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của PVFCCo SE** ..... 63
**19. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết** ..... 63

**V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT** ..... **63**
**1. Loại chứng khoán** ..... **63**
**2. Mệnh giá** ..... **63**
**3. Tổng số chứng khoán niêm yết** ..... **63**
**4. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức phát hành** ..... **63**
**5. Phương pháp tính giá** ..... **64**
**6. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài** ..... Error! Bookmark not defined.
**7. Các loại thuế có liên quan** ..... **66**
**7.1. Thuế liên quan đến tổ chức niêm yết chứng khoán** ..... 66
**7.2. Thuế liên quan đến hoạt động giao dịch chứng khoán** ..... 67

**VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT** ..... **70**
**1. TỔ CHỨC TƯ VẤN NIÊM YẾT** ..... **70**
**2. TỔ CHỨC KIỂM TOÁN** ..... **70**

**VII. PHỤ LỤC** ..... **70**

# I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

## 1. Rủi ro kinh tế

Là Công ty hoạt động trong lĩnh vực thương mại do vậy biến động về kinh tế sẽ ảnh hưởng mạnh mẽ đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Giai đoạn 2007-2010, tốc độ tăng trưởng kinh tế Việt Nam chững lại và có chiều hướng đi xuống do chịu ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu. Song năm 2010, kinh tế của Việt Nam đã cho thấy mức độ kiểm soát rủi ro khá ổn định và có sự phục hồi sau tác động của khủng hoảng kinh tế toàn cầu. Hình 1 cho thấy có cải thiện tốc độ tăng GDP theo các quý trong năm 2010. Tốc độ tăng GDP quý I đạt 5,83%, quý II là 6,4%, quý III tăng lên 7,14% và quý IV đạt 7,41%. GDP cả năm 2010 tăng 6,78%, cao hơn nhiệm vụ kế hoạch (6,5%). Trong bối cảnh kinh tế thế giới vẫn phục hồi chậm chạp và trong nước gặp phải nhiều khó khăn, kinh tế Việt Nam vẫn duy trì được tốc độ tăng trưởng kinh tế như trên là một thành công trong công cuộc kiềm chế lạm phát và suy giảm kinh tế đang leo thang trên toàn cầu, ảnh hưởng mạnh mẽ đến sự phát triển của các công ty.

**Hình 1: Tăng trưởng GDP theo quý giai đoạn 2008-2010**

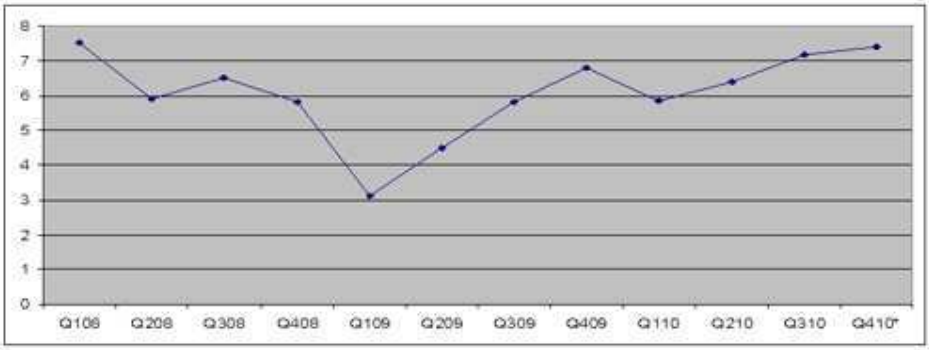


*Nguồn: Tổng cục Thống kê*

Lạm phát năm 2010 có những diễn biến phức tạp, chỉ số giá tiêu dùng năm 2010 tăng 9,19% so với năm 2009 và tiếp tục xu hướng tăng cao ở 4 tháng đầu năm 2011 với chỉ số giá tiêu dùng lần lượt:1,74%, 2,09%, 2,17%, 3,32%. Tính chung 4 tháng đầu năm 2011, CPI đã tăng 9,32%, vượt xa chỉ tiêu (không quá 7%) trong cả năm 2011. Nếu so với tháng 4/2010, CPI tháng 4/2011 đã tăng đến 17,51%. Để hạn chế rủi ro do lạm phát gây ra, Công ty phải vận hành linh hoạt hoạt động kinh doanh phù hợp với sự biến động của thị trường, tìm kiếm nguồn vốn với chi phí rẻ, kết hợp với việc tiết kiệm chi phí hoạt động.

## 2. Rủi ro luật pháp

Hệ thống pháp luật của nước ta hiện nay chưa thật sự hoàn chỉnh. Thêm vào đó vẫn còn tồn tại nhiều quy định phức tạp chồng chéo trong lĩnh vực hành chính. Ngoài ra, sẽ có rủi ro về tính biến động pháp lý do sự kiện Việt Nam gia nhập WTO, cần một hệ thống pháp lý hoàn thiện hơn để phù hợp với các chuẩn mực kinh tế pháp lý thế giới trong quá trình hội nhập. Ngoài ra, các chuẩn mực kế toán - kiểm toán mới cũng đang được xây dựng và hoàn chỉnh. Những sự thay đổi này cũng có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty nói riêng và các công ty khác nói chung.

Việc ban hành hoặc thay đổi chính sách, quy định mới v.v,…liên quan đến hoạt động của ngành có thể ảnh hưởng tới Công ty, đặc biệt những quy định liên quan đến bình ổn giá phân bón trong nước sẽ ảnh hưởng không nhỏ đến vận hành của Công ty.

Mặc dù trong những năm qua, Việt Nam đã cố gắng xây dựng và đã hình thành nên một môi trường pháp lý được xem là khá cởi mở, nhưng hành lang pháp lý của nước ta chưa thật sự hoàn chỉnh và ổn định, do đó ảnh hưởng nhất định đến hiệu quả kinh doanh của Công ty.

**3. Rủi ro xuất phát từ đặc điểm kinh doanh**

Việt Nam là một trong những nước xuất khẩu nông sản hàng đầu trên thế giới,song cũng là nước phải nhập khẩu nhiều phân bón. Do nhu cầu tăng cao, đồng thời một số loại phân bón trong nước chưa sản xuất được do không có quặng mỏ nhiều nên phụ thuộc rất nhiều vào nguồn cung và giá cả phân bón trên thị trường thế giới.

Mặc dù nền sản xuất phân bón tại Việt Nam đang phát triển rất mạnh: từ năm 1960 mới có Nhà máy Urê Hà Bắc 30.000 tấn, năm 1962 có Nhà máy Super Lâm Thao 100.000 tấn, năm 1963 Nhà máy Lân nung chảy Văn Điển 20.000 tấn…, nhà máy NPK thì đến nay đã có các nhà máy lân nung chảy hơn triệu tấn, các nhà máy phân hỗn hợp (NPK) từ 3-3,5 triệu tấn và các nhà máy phân hữu cơ …tuy nhiên nguồn cung trong nước vẫn chỉ đáp ứng được 50% nhu cầu phân bón cả nước gây áp lực cạnh tranh trong ngành cao, đặc biệt là phân bón nhập khẩu.

Ngoài ra, việc cung ứng tiếp thị chưa đồng bộ còn quá nhiều khâu trung gian, chồng chéo, cùng một loại phân bón trong Nam đưa ra Bắc, ngoài Bắc đưa vào Nam gây ra cạnh tranh không lành mạnh, thổi phồng trong kinh doanh. Theo Hiệp hội Phân bón Việt Nam, nguyên nhân là do hệ thống phân phối chưa có mối liên kết chặt chẽ từ nhà sản xuất và nhập khẩu đến nông dân; khả năng kiểm soát giá cả của Doanh nghiệp đối với đại lý còn yếu, làm giảm khả năng can thiệp của Nhà nước vào các thời điểm nhạy

cảm, khiến thị trường dễ bị tổn thương khi thị trường thế giới biến động. Do vậy vấn đề kiểm soát kênh phân phối trung gian là vấn đề cần được quan tâm và đầu tư thích đáng.

Phân bón là mặt hàng thiết yếu, đóng vai trò quan trọng trong sản xuất nông nghiệp do vậy phải chịu sự điều phối của Nhà Nước về bình ổn giá phân bón trong nước khi thị trường xảy ra bất ổn trong cung cầu, điều này phần nào hạn chế khả năng sinh lợi của doanh nghiệp trong quá trình vận hành.

Mặc dù hiện nay nguồn cung phân bón trong nước hiện nay chưa đáp ứng đủ nhu cầu trong nước nhưng tính năm 2015 khi đưa nhà máy đạm Cà Mau, đạm Ninh Bình vào hoạt động và mở rộng nhà máy đạm Hà Bắc thì công suất tổng cộng 2.660.000 tấn Urê/năm sẽ vượt nhu cầu trong nước.

Mặc khác cùng với tình hình biến đổi khí hậu đang diễn ra trên toàn cầu và quá trình đô thị hóa đang gây ảnh hưởng thu hẹp diện tích đất gieo trồng sẽ ảnh hưởng đến nhu cầu phân bón và tăng cạnh tranh trên thị trường.

**4. Rủi ro tỷ giá**

Trong nhiều năm trở lại đây, Ngân hàng nhà nước (NHNN) kiên trì chính sách ổn định đồng tiền Việt Nam so với đồng đô la Mỹ. Song diễn biến tỷ giá trong năm 2010 là khá phức tạp, NHNN đã điều chỉnh nâng tỷ giá liên ngân hàng hai lần vào tháng 2 và tháng 10, khoảng cách giữa tỷ giá chính thức và tỷ giá trên thị trường tự do luôn ở mức cao và mới đây đã nâng tỷ giá lên 20.550 đồng tăng 9,37%. Tỷ giá chính thức này vẫn thấp hơn tỷ giá trên thị trường tự do 7,5%, có lúc tỷ giá trên thị trường tự do đã lên mức 21.500 đồng/USD.

Với mức điều chỉnh tỷ giá như trên, Công ty sẽ gặp nhiều bất lợi trong việc kinh doanh các mặt hàng phân bón nhập khẩu, cũng như sự biến động giá các nguyên liệu đầu vào nhập khẩu phục vụ cho sản xuất và nghiên cứu trong thời gian tới.

**5. Rủi ro biến động giá cổ phiếu niêm yết**

Việc niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán Việt Nam sẽ đem lại những lợi ích to lớn cho Công ty như khẳng định uy tín, quảng bá rộng rãi thương hiệu, tăng cường tính thanh khoản, tạo cơ hội cho Công ty huy động vốn để tài trợ cho hoạt động sản xuất kinh doanh, hướng đến việc chuẩn mực hóa công tác quản trị và điều hành của Công ty. Tuy nhiên, rủi ro biến động giá cổ phiếu trên thị trường chứng khoán là điều không tránh khỏi. Giá chứng khoán trên thị trường được quyết định bởi nhiều yếu tố, trong đó

tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của tổ chức niêm yết chỉ là một yếu tố tác động. Giá chứng khoán biến động có thể do: cung - cầu cổ phiếu, tình hình kinh tế - xã hội, sự thay đổi quy định pháp luật về chứng khoán, yếu tố tâm lý của nhà đầu tư, v.v… Sự biến động giá cổ phiếu có thể gây ảnh hưởng đến thương hiệu, giá trị, tâm lý của các khách hàng của Công ty.

### 6. Rủi ro khác

Một số rủi ro mang tính bất khả kháng ít có khả năng xảy ra nhưng nếu xảy ra thì sẽ tác động đến tình hình kinh doanh của Công ty. Đó là những hiện tượng thiên tai (hạn hán, bão lụt, động đất v.v…), chiến tranh hay dịch bệnh hiểm nghèo trên quy mô lớn.

## II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

### 1. Tổ chức niêm yết

Ông **Trịnh Văn Khiêm** Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ông **Dương Trí Hội** Chức vụ: Giám Đốc

Ông **Võ Ngọc Phương** Chức vụ: Kế Toán Trưởng

Bà **Phạm Hoài Hương** Chức vụ: Trưởng Ban kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

### 2. Tổ chức tư vấn

Đại diện: Ông **Trần Hùng Dũng** Chức vụ: Phó Giám đốc Công ty

- Giám đốc Chi nhánh Tp.HCM

(Theo Giấy ủy quyền số 52/UQ-CKDK ngày 21/11/2011)

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết do Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí (PSI) tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng dịch vụ tư vấn niêm yết chứng khoán số 07/TV-CKDK HCM/2011 ngày 29/03/2011 với Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ cung cấp.

## III. CÁC KHÁI NIỆM

| | | |
|---|---|---|
| - | PVFCCo SE | Tên viết tắt của Công ty Cổ phần Phân Bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ |
| - | Tổng Công ty | Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu Khí – CTCP |
| - | PVFCCo | Tên viết tắt của Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu Khí – CTCP |
| - | PSI | Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí |
| - | SGDCK | Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM |
| - | CBCNV | Cán bộ công nhân viên |
| - | BHXH | Bảo hiểm xã hội |
| - | BHYT | Bảo hiểm y tế |
| - | BHLĐ | Bảo hiểm lao động |
| - | SXKD | Sản xuất kinh doanh |
| - | TSCĐ | Tài sản cố định |
| - | CNĐKKD | Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh |
| - | HĐQT | Hội đồng quản trị |
| - | BGĐ | Ban giám đốc |
| - | P/E | Hệ số giá trên thu nhập một cổ phiếu |
| - | P/B | Hệ số giá trên giá trị sổ sách |
| - | TNHH | Trách nhiệm hữu hạn |
| - | DTT | Doanh thu thuần |
| - | LNTT | Lợi nhuận trước thuế |
| - | LNST | Lợi nhuận sau thuế |
| - | TNDN | Thu nhập doanh nghiệp |

## IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

### 1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

#### 1.1. Giới thiệu về Công ty

- Tên Công ty **CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ ĐÔNG NAM BỘ**
- Tên tiếng anh SOUTH-EAST PETROVIETNAM FERTILIZER AND CHEMICALS JOINT STOCK COMPANY
- Tên viết tắt PVFCCo SE
- Biểu tượng của Công ty:
- Vốn điều lệ 125.000.000.000 đồng (Một trăm hai mươi lăm tỷ đồng chẵn)
- Trụ sở chính Số 27 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 24, Q. Bình Thạnh, TP.HCM
- Điện thoại (84-08) 35 111 999 Fax (84-08) 35 111 666
- Website www.pse.vn
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số: 0305918852 (số cũ : 4104005809) do Sở kế hoạch và Đầu tư Tp. HCM cấp lần đầu ngày 18/08/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 11/04/2012.
- Ngành nghề kinh doanh:
  - ✓ Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu chi tiết: Bán buôn phân bón, hóa chất sử dụng trong công – nông nghiệp *(trừ thuốc bảo vệ thực vật)*; Bán buôn tơ, xơ, sợi, dệt.
  - ✓ Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
  - ✓ Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh chi tiết: Bán lẻ phân bón, hóa chất sử dụng trong công – nông nghiệp (*trừ thuốc bảo vệ thực vật);*
  - ✓ Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
  - ✓ Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan chi tiết: Tư vấn, hướng dẫn kỹ thuật sử dụng phân bón và hóa chất;
  - ✓ Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê chi tiết: Kinh doanh bất động sản;
  - ✓ Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống chi tiết: Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu *(không hoạt động tại trụ sở doanh nghiệp);*
  - ✓ Bán buôn thực phẩm *(không hoạt động tại trụ sở doanh nghiệp);*

- ✓ Sản xuất hóa chất cơ bản *(không hoạt động tại trụ sở doanh nghiệp);*
- ✓ Sản xuất phân bón và hợp chất nitơ *(không hoạt động tại trụ sở doanh nghiệp);*
- ✓ Bán buôn gạo *(không hoạt động tại trụ sở doanh nghiệp);*
- ✓ Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp *(thực hiện theo quyết định 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/7/2009 và quyết định 79/2009/ QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của UBND thành phố về phê duyệt duy hoạch kinh doanh nông sản, thực phẩm trên địa bán Tp.HCM)*;
- ✓ Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh;
- ✓ Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (trừ bán buôn khí dầu mỏ hóa lỏng LPG)
- ✓ Sản xuất sản phẩm hóa chất khác chưa được phân vào đâu chi tiết: Sản xuất dung dịch khoan và hóa phẩm dầu khí, chất dùng cho khoan thăm dò và khai thác dầu khi, công nghiệp, luyện cán thép (không sản xuất tại trụ sở)
- ✓ Quảng cáo
- ✓ Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận
- ✓ Khai thác khoáng hóa chất và khoáng phân bón (không hoạt động tại trụ sở)
- ✓ Kinh doanh dịch vụ logistic;

- Tài khoản Số 1608 2010 01991 tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn – Chi nhánh Trường Sơn.

### 1.2. Lịch sử hình thành

Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ, tiền thân là Công ty TNHH MTV Phân bón và Hóa Chất Dầu khí Đông Nam Bộ trực thuộc Tổng Công ty Phân bón và Hóa Chất Dầu Khí – Công ty cổ phần, được thành lập theo quyết định số 115/QĐ-HĐQT ngày 7/8/2008 của Hội đồng quản trị Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí và chính thức đi vào hoạt động kể từ ngày 18/08/2008 theo giấy phép kinh doanh số 4104005809 do Sở kế hoạch và đầu tư TP.HCM cấp với mức vốn điều lệ ban đầu là 85.000.000.000 đ (Tám mươi lăm tỷ đồng).

Ngày 31/12/2010, Công ty chuyển đổi hình thức hoạt động từ Công ty TNHH MTV sang Công ty TNHH trên hai thành viên, đồng thời tăng vốn điều lệ lên 125.000.000.000 đ (Một trăm hai mươi lăm tỷ đồng) và đổi tên viết tắt thành PVFCCo

SE (Theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0305918852 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp ngày 31/12/2010).

Ngày 30/01/2011, Công ty đã chính thức chuyển đổi sang hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần và đổi tên thành Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất dầu khí Đông Nam Bộ (Theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0305918852 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp ngày 30/01/2011).

## 2. Thành tích

Từ khi thành lập đến nay, tập thể cán bộ nhân viên Công ty luôn nỗ lực hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao và đã được Tổng Công ty, Tập đoàn Dầu Khí Quốc Gia Việt Nam, Bộ Công thương ghi nhận qua một số bằng khen tiêu biểu đạt được sau :

- Năm 2007, 2008: Bằng khen của Tổng Công ty "Tập thể Lao động tiên tiến, Tập thể Lao động xuất sắc";
- Năm 2008, 2009: Bằng khen của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam "Đã có thành tích xuất sắc trong công tác năm 2008, 2009";
- Năm 2009: Bằng khen Bộ trưởng Bộ Công thương "Đã có thành tích xuất sắc trong công tác năm 2009";
- Năm 2008, 2009: Bằng khen Công đoàn Dầu khí Việt Nam; Giấy khen Đảng ủy Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam;
- Năm 2010: Bằng khen Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch trước thời hạn.
- Năm 2011: Giấy khen của Cục thuế TP.HCM "Đã có thành tích chấp hành tốt chính sách thuế năm 2010"
- Năm 2012 Giấy khen của Tổng Cục thuế "Đã có thành tích thực hiện tốt chính sách pháp luật thuế năm 2011"

## 3. Cơ cấu tổ chức Công ty

Căn cứ theo (1) Luật Doanh Nghiệp đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XI kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 29/11/2005 và (2) Điều lệ tổ chức và hoạt động được Đại hội đồng cổ đông thống nhất thông qua ngày 28 tháng 01 năm 2011, PVFCCo SE có cơ cấu tổ chức như sau:

Cơ cấu tổ chức của Công ty thể hiện qua sơ đồ sau:

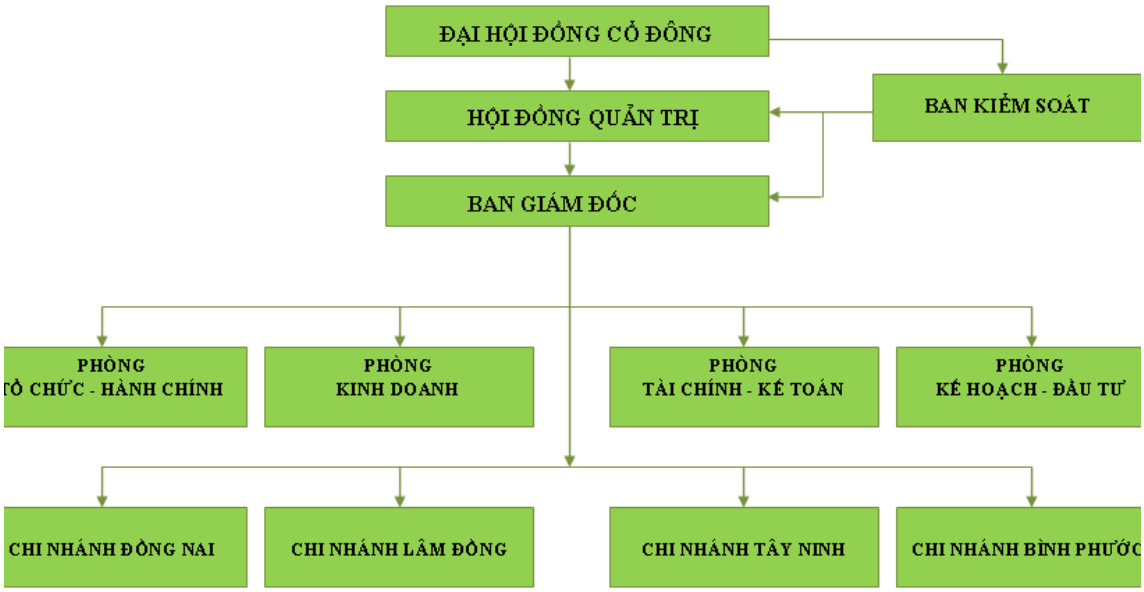


- **Đại hội đồng cổ đông:** Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, có quyền quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn được Luật pháp và Điều lệ Công ty quy định.
- **Hội đồng quản trị:** Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị của Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị thường xuyên giám sát hoạt động kinh doanh, hoạt động kiểm soát nội bộ và hoạt động quản lý rủi ro của Công ty. Hội đồng quản trị của Công ty gồm 5 người do Đại hội đồng cổ đông bầu ra.
- **Ban kiểm soát:** Ban kiểm soát là cơ quan kiểm tra hoạt động tài chính của Công ty, giám sát việc chấp hành chế độ hạch toán, hoạt động của hệ thống kiểm tra và kiểm toán nội bộ của Công ty. Ban kiểm soát thẩm định báo cáo tài chính hàng năm, kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến hoạt động tài chính khi xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông lớn. Ban kiểm soát báo cáo Đại hội đồng cổ đông về tính chính xác, trung thực và hợp pháp của chứng từ, sổ sách kế toán, báo cáo tài chính và hoạt động của hệ thống kiểm tra kiểm soát nội bộ. Ban kiểm soát của Công ty gồm 3 người do Đại hội đồng cổ đông bầu ra.

- **Ban Giám đốc:** Gồm Giám đốc và các Phó giám đốc. Giám đốc là người quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty, do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Giúp việc cho giám đốc là các Phó giám đốc chuyên môn. Ban Giám đốc Công ty 3 người gồm 1 Giám đốc và 2 Phó giám đốc.

- **Phòng tổ chức – hành chính (TCHC)**

Phòng Tổ chức - Hành chính là phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc bộ máy điều hành Công ty, có chức năng giúp Giám đốc Công ty quản lý điều hành và triển khai thực hiện các công tác sau:

- Chiến lược nguồn nhân lực;
- Kiện toàn hệ thống tổ chức hoạt động kinh doanh và cơ chế điều hành tổ chức Công ty;
- Tuyển dụng;
- Đào tạo;
- Quản lý nhân sự, công tác cán bộ;
- Tiền lương và chế độ chính sách;
- Quản lý công tác thi đua khen thưởng kỷ luật;
- An ninh quốc phòng và bảo vệ chính trị nội bộ;
- Công tác quản trị;
- Công tác Hành chính tổng hợp;
- Quản lý hệ thống Công nghệ thông tin;
- Công tác văn thư, lưu trữ;
- Công tác Lễ tân;
- Công tác Tổ chức sự kiện;
- Tổ chức, tham gia các hoạt động văn hoá văn nghệ, thể dục thể thao phục vụ các hoạt động, sự kiện của Tập đoàn, Tổng công ty, Công ty tạo ra các sân chơi văn hóa tinh thần cho CB.CNV và giao lưu với các đơn vị trong và ngoài ngành Dầu khí để quảng bá hình ảnh và thương hiệu của PVFCCo, PVFCCo SE;
- Xây dựng, phổ biến và duy trì Văn hóa doanh nghiệp;
- Đảm bảo về mặt pháp lý các dự thảo văn bản/hợp đồng, các quy chế/quy định trong Công ty;
- Quan hệ với các cơ quan quản lý nhà nước và cơ quan bảo vệ pháp luật để giải quyết công việc của Công ty;
- Liên hệ với các tổ chức cung cấp dịch vụ pháp lý để nhận sự trợ giúp chuyên sâu về các vấn đề liên quan hoạt động của Công ty;
- Phổ biến, hướng dẫn pháp luật;
- Quản lý công tác An ninh - An toàn - Sức khỏe - Môi trường và Vệ sinh lao động;
- Quản lý hệ thống;
- Công tác Đảng vụ;
- Các công tác khác theo sự phân công của Lãnh đạo Công ty.

- **Phòng tài chính kế toán (TCKT):**

Phòng Tài chính - Kế toán là phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc bộ máy điều hành Công ty, có chức năng giúp Giám đốc Công ty quản lý điều hành và triển khai thực hiện các công tác sau:

- Bảo toàn, khai thác có hiệu quả và phát triển vốn, tài sản của Công ty;
- Quản lý, điều hành và tổ chức triển khai thực hiện đảm bảo các nghiệp vụ tài chính, kế toán, thống kê, kế toán quản trị trong toàn Công ty tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, Tổng Công ty và Công ty;
- Lập các báo cáo tài chính và báo cáo quản trị theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước và của Tổng công ty;
- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Giám đốc Công ty giao

**Phòng kinh doanh**

Phòng Kinh doanh là phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc bộ máy điều hành Công ty, có chức năng giúp Giám đốc Công ty quản lý, điều hành và triển khai thực hiện các công tác sau:

- Xây dựng kế hoạch kinh doanh và các giải pháp thực hiện kế hoạch kinh doanh;
- Xây dựng hệ thống phân phối hàng hóa của Công ty;
- Tổ chức phân phối và quản lý sản phẩm phân bón do Tổng Công ty sản xuất;
- Quản lý công tác phân phối, điều độ và nhập xuất hàng hóa;
- Tổ chức hệ thống thông tin thị trường phân bón;
- Tổ chức xúc tiến, kinh doanh hóa chất;
- Quản lý hoạt động các dịch vụ kỹ thuật hỗ trợ bán hàng cho các sản phẩm phân bón;
- Xây dựng chiến lược, kế hoạch và tổ chức triển khai các hoạt động tiếp thị và truyền thông;
- Quản lý, tổ chức thực hiện công tác an sinh xã hội tại khu vực;
- Các công tác khác theo sự phân công của Lãnh đạo Công ty.

**Phòng kế hoạch - đầu tư (KHĐT)**

Phòng Kế hoạch - Đầu tư là phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc bộ máy điều hành Công ty, có chức năng giúp Giám đốc Công ty quản lý điều hành và triển khai thực hiện các công tác sau:

- Xây dựng chiến lược phát triển, kế hoạch sản xuất kinh doanh và điều hành triển khai thực hiện chiến lược phát triển, các kế hoạch dài hạn, trung hạn và ngắn hạn của Công ty;

- Triển khai thực hiện công tác tổng hợp, báo cáo định kỳ, đột xuất phục vụ công tác quản lý của Công ty;
- Tham mưu, đề xuất các biện pháp nâng cao hiệu quả SXKD nhằm đảm bảo hoàn thành và hoàn thành vượt mức chỉ tiêu kế hoạch hàng năm do Hội đồng quản trị Công ty giao;
- Tham mưu cho Ban lãnh đạo Công ty trong lĩnh vực quản lý cơ sở vật chất, tài sản của Công ty;
- Tham mưu cho Ban lãnh đạo Công ty về công tác kế hoạch liên quan trong lĩnh vực quản lý hoạt động hợp tác đầu tư, liên doanh, liên kết của Công ty;
- Tổ chức thực hiện lập dự án đầu tư xây dựng của Công ty (không bao gồm đầu tư tài chính);
- Quản lý và giám sát công tác đầu tư xây dựng của Công ty và các đơn vị thành viên của Công ty;
- Tham mưu cho Ban lãnh đạo Công ty về lĩnh vực quản lý dự án, chủ trương đầu tư, quản lý hoạt động hợp tác liên doanh, liên kết đầu tư xây dựng của Công ty;
- Quản lý công tác đấu thầu, mua sắm tài sản, hàng hóa, trang thiết bị phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh và đầu tư trong toàn Công ty (không bao gồm trang thiết bị văn phòng); Quản lý và thẩm định các nội dung chính của các gói thầu do các phòng chức năng hoặc các đơn vị trực thuộc Công ty thực hiện, đảm bảo các gói thầu được triển khai, thực hiện đúng với các quy định của Nhà nước và Luật đấu thầu;
- Các công tác khác theo sự phân công của Lãnh đạo Công ty.

**Các Chi nhánh:** Hiện tại, Công ty có bốn (04) Chi nhánh bao gồm: Chi nhánh Đồng Nai, Chi nhánh Lâm Đồng, Chi nhánh Tây Ninh, Chi nhánh Bình Phước có chức năng, nhiệm vụ chính sau:

- Quản lý hệ thống kho chứa của Công ty đầu tư và hệ thống kho chứa của Công ty thuê, quản lý và phân phối hàng hóa và sản phẩm của Công ty;
- Đối chứng việc thực hiện chính sách kinh doanh của Công ty đối với hệ thống các Tổng Đại lý, Đại lý, Cửa hàng của khách hàng Công ty;
- Giới thiệu sản phẩm, quảng bá thương hiệu của Tổng Công ty và Công ty;
- Phát triển thị trường, hỗ trợ các Tổng Đại lý, Đại lý và Cửa hàng của khách hàng Công ty trong công tác phát triển thị trường;
- Kinh doanh các ngành nghề đã đăng ký;
- Thực hiện các chức năng, nhiệm vụ khác do Công ty giao.

## 4. Quá trình tăng vốn kể từ khi Công ty hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần

Vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm chuyển đổi từ Công ty TNHH sang Công ty cổ phần theo giấy phép kinh doanh số 0305918852 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp ngày 30/01/2011 là 125.000.000.000 đ (một trăm hai mươi lăm tỷ đồng).

Đến thời điểm hiện tại, Công ty chưa thực hiện bất kỳ hình thức tăng vốn điều lệ nào.

## 5. Quá trình mua, bán cổ phiếu quỹ kể từ khi Công ty hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần

Kể từ khi hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần, Công ty chưa tiến hành mua, bán cổ phiếu quỹ.

## 6. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ

Vốn cổ phần tính đến thời điểm 01/06/2011 là **125.000.000.000 đồng** được chia thành **12.500.000 cổ phần** với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Cơ cấu vốn cổ phần như sau:

***Bảng 1: Cơ cấu vốn cổ phần tính đến thời điểm 13/08/2012***

| Stt | Cổ đông | Số lượng cổ đông | Số cổ phần (cổ phần) | Giá trị (đồng) | Tỷ trọng (%) |
|---|---|---|---|---|---|
| **1** | **Trong nước** | **124** | **12.500.000** | **125.000.000.000** | **100,00%** |
| - | Tổ chức | 6 | 10.675.000 | 106.750.000.000 | 85,40% |
| - | Cá nhân | 118 | 1.825.000 | 18.250.000.000 | 14,60% |
| | *Trong đó:* | | | | |
| | *HĐQT, BGĐ, BKS* | *6* | *90.070* | *900.700.000* | *0,72%* |
| | *CBCNV* | *35* | *332.070* | *3.320.700.000* | *2,65%* |
| **2** | **Nước ngoài** | **-** | **-** | **-** | **0,00%** |
| - | *Tổ chức* | - | - | - | 0,00% |
| - | *Cá nhân* | - | - | - | 0,00% |
| **3** | **Cổ phiếu quỹ** | **-** | **-** | **-** | **0,00%** |
| | **Tổng cộng** | **124** | **12.500.000** | **125.000.000.000** | **100,00%** |

### 6.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty

Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty tính đến thời điểm 16/04/2012, như sau:

***Bảng 2: Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần***

| Stt | Tên cổ đông | Địa chỉ | Số cổ phần | Tỷ lệ |
|---|---|---|---|---|

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí – Công ty cổ phần | Số 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Q.1, Tp.HCM | 9.375.000 | 75% |
| | **Tổng cộng** | | **9.375.000** | **75%** |

### 6.2. Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ

Theo quy định của Luật doanh nghiệp số 60/2005/QH11, các cổ đông sáng lập phải cùng nhau nắm giữ ít nhất 20% cổ phần được quyền chào bán của Công ty trong vòng 3 năm kể từ ngày thành lập. Tuy nhiên do thành lập trên cơ sở chuyển đổi mô hình hoạt động từ Công ty TNHH chuyển sang Công ty cổ phần, PVFCCo SE không có cổ đông sáng lập.

## 7. Danh sách những doanh nghiệp nắm quyền kiểm soát (chi phối) đối với PVFCCo SE, những doanh nghiệp PVFCCo SE hiện đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối

Hiện tại, PVFCCo SE không nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với bất cứ công ty nào.

Danh sách công ty nắm giữ quyền kiểm soát đối với PVFCCo SE, bao gồm:

| Stt | Tên cổ đông | Địa chỉ | Số cổ phần | Tỷ lệ |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí – Công ty cổ phần | Số 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Q.1, Tp.HCM | 9.375.000 | 75% |

## 8. Hoạt động kinh doanh

### 8.1. Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ qua các năm

Công ty chính thức hoạt động kể từ ngày 18/08/2008 với nhiệm vụ chủ yếu là phân phối phân Urê do nhà máy đạm Phú Mỹ cung cấp chiếm trên 87% doanh thu toàn Công ty, bên cạnh đó Công ty đã chủ động kinh doanh hàng nhập khẩu nhằm đáp ứng nhu cầu phân bón trong vùng như phân SA, phân DAP, phân NPK, Kali….Ngoài ra từ năm 2009, Công ty đã mở rộng phát triển kinh doanh hóa chất cung cấp cho các nhà máy như nhà máy đạm Phú Mỹ, nhà máy lọc dầu Dung Quất…Hiện nay sản xuất trong nước chỉ đáp ứng được khoảng 50% nhu cầu phân bón cả nước do đó những năm qua thường xuyên xảy ra tình trạng thiếu hụt cung phân bón đặc biệt là Urê và Kali. Là đơn vị thành viên của Tổng Công ty, PVFCCo SE được ưu tiên phân phối hàng nhờ đó Công ty luôn có ưu thế hơn các đơn vị trong ngành về nguồn hàng.

Tuy nhiên công ty thực hiện nhiệm vụ bình ổn giá phân bón trong nước dẫn đến hoạt động kinh doanh các mặt hàng nhập khẩu không hiệu quả như mong muốn. Chi tiết doanh thu, lợi nhuận gộp từng nhóm hàng năm 2009, 2010 và Năm 2011 sau đây:

*Đơn vị tính : Triệu đồng*

| KHOẢN MỤC | | NĂM 2009 | | NĂM 2010 | | Năm 2011 | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Số tiền | Tỷ trọng | Số tiền | Tỷ trọng | Số tiền | Tỷ trọng |
| **DOANH THU** | | | | | | | |
| **I.** | **Phân bón** | **1.325.336** | **99,6%** | **1.356.831** | **98,6%** | **2.406.976** | **98,64%** |
| 1 | Phân Urê | 1.024.830 | 77,0% | 1.224.451 | 89,0% | 2.032.526 | 83,3% |
| 2 | Phân SA | 24.692 | 1,9% | 26.528 | 1,9% | 69.774 | 2,86% |
| 3 | Phân DAP | 107.962 | 8,1% | 59.649 | 4,3% | - | - |
| 4 | Phân NPK | 87.852 | 6,6% | 13.383 | 1,0% | 103.288 | 4,23% |
| 5 | Phân Kali | 80.000 | 6,0% | 32.820 | 2,4% | 197.925 | 8,11% |
| 6 | Phân Lân | - | - | - | - | 3.463 | 0,14% |
| **II.** | **Hóa chất** | **1.269** | **0,1%** | **8.609** | **0,6%** | **26.855** | **1,1%** |
| **III.** | **Hoạt động dịch vụ: vận chuyển, lưu kho…** | **3.735** | **0,3%** | **11.023** | **0,8%** | **6.452** | **0,26%** |
| | **TỔNG CỘNG** | **1.330.339** | **100,0%** | **1.376.463** | **100,0%** | **2.440.283** | **100,0%** |
| **LỢI NHUẬN GỘP** | | | | | | | |
| **I.** | **Phân bón** | **30.900** | **96,8%** | **50.158** | **90,4%** | **67.326** | **96,45%** |
| 1 | Phân Urê | 33.828 | 106,0% | 48.732 | 87,8% | 59.906 | 85,82% |
| 2 | Phân SA | 499 | 1,6% | 1.128 | 2,0% | 2.666 | 3,81% |

| KHOẢN MỤC | | NĂM 2009 | | NĂM 2010 | | Năm 2011 | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Số tiền | Tỷ trọng | Số tiền | Tỷ trọng | Số tiền | Tỷ trọng |
| 3 | Phân DAP | 478 | 1,5% | 110 | 0,2% | - | - |
| 4 | Phân NPK | (3.905) | -12,2% | 17 | 0,0% | 2.036 | 2,91% |
| 5 | Phân Kali | - | 0,0% | 172 | 0,3% | 2.689 | 3,85% |
| | Phân Lân | - | - | - | - | 29 | 0,04% |
| **II.** | **Hóa chất** | **200** | **0,6%** | **1.000** | **1,8%** | **1.185** | **1,69%** |
| **III.** | **Hoạt động dịch vụ: vận chuyển, lưu kho…** | **806** | **2,5%** | **4.346** | **7,8%** | **1.289** | **1,84%** |
| | **TỔNG CỘNG** | **31.906** | **100%** | **55.504** | **100%** | **69.800** | **100%** |

*Nguồn: PVFCCo SE*

Năm 2010 thị trường phân bón liên tục tăng giá trước tình trạng thiếu cung, cùng với ưu thế về nguồn hàng và điều phối hàng hiệu quả nhờ đó doanh thu và lợi nhuận gộp trên sản phẩm của Công ty liên tục gia tăng: Tổng doanh thu năm 2010 tăng 3,47%, lợi nhuận gộp tăng 73,96%. Năm 2011, doanh thu phân bón tăng hơn 70% so với năm 2010 là do giá bán phân bón tiếp tục tăng theo giá phân bón thế giới, đặc biệt tăng mạnh từ thời điểm tháng 04/2011. Tuy nhiên, lợi nhuận gộp 2011 chỉ tăng 34% so với năm 2010. Nguyên nhân là do nguồn nhập khẩu phân bón từ Trung Quốc đã bị hạn chế làm cho tình trạng căng thẳng giá phân bón lên cao vào tháng 09/2011, điều này đã ảnh hưởng đến giá cả đầu vào của phân bón.

Doanh thu về hóa chất chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh thu, tuy nhiên, trong năm 2011 doanh thu về hóa chất đã tăng đáng kể so với năm 2010 (cụ thể là tăng hơn 200% so với 2010).

Trong tổng doanh thu về phân bón, doanh thu phân Urê chiếm tỷ trọng cao nhất, vì phân Urê là sản phẩm phân phối chủ đạo của Công ty, chiếm trên 80% tổng doanh thu phân bón trong năm 2010 và 2011. Hầu hết các loại phân bón còn lại đều tăng trong năm 2011 so với năm 2010. Riêng phân DAP trong năm 2011, Công ty không phân phối nữa mà chuyển sang phân phối thêm phân Lân. Tuy nhiên số lượng phân Lân tiêu thụ không đáng kể.

## 8.2. Nguyên vật liệu

Là doanh nghiệp thương mại chuyên phân phối các sản phẩm phân bón và hóa chất công nghiệp nên đầu vào của Công ty là hàng hóa thành phẩm được cung cấp bởi các nhà máy sản xuất phân bón và hóa chất cụ thể như sau:

### 8.2.1. Nguồn hàng:

- **Nguồn hàng phân bón**

Nguồn hàng chủ yếu được cung cấp bởi Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí-CTCP gồm phân Urê do nhà máy Đạm Phú Mỹ sản xuất và một số loại phân bón khác.

Ngoài ra để đáp ứng nhu cầu phân bón khi nguồn phân bón trong nước thiếu hụt, Công ty được Tổng Công ty phân phối hàng nhập khẩu thông qua đơn vị có chức năng nhập khẩu phân bón trực thuộc Tổng Công ty. Bên cạnh đó Công ty lấy hàng từ các công ty nhập khẩu khác như TSC Cần Thơ (cung cấp phân kali), Nguyên Ngọc (cung cấp phân SA), hoặc nhập khẩu trực tiếp từ đối tác Công ty Toray (cung cấp phân SA).

- **Nguồn hóa chất :**

Các sản phẩm hóa chất được cung cấp từ các công ty chuyên sản xuất hóa chất trong nước như Nhà máy Supe Long Thành, Công ty hóa chất cơ bản Miền Nam, Công ty DMC, Công ty Vedan, Công ty Vũ Hoàng.

### 8.2.2. Sự ổn định của nguồn hàng:

Với tiền thân là đơn vị trực thuộc Tổng Công ty phân bón và Hóa chất Dầu Khí nên Công ty luôn được ưu tiên phân phối hàng hóa từ Tổng Công ty nhằm đáp ứng nhu cầu phân Urê trong khu vực Đông Nam Bộ. Mặt khác, khi nguồn cung phân bón trong nước bị thiếu hụt Công ty được cung cấp từ đơn vị chuyên nhập khẩu phân bón do Tổng Công ty điều phối. Hiện nay nhu cầu trong nước cao hơn nguồn cung vì vậy thị trường phân bón trong thời gian qua thường xuyên xảy ra hiện tượng thiếu hụt nguồn hàng đặc biệt là các loại phân DAP, Urê, kali…, do vậy Công ty phải phụ thuộc nhiều vào nguồn nhập khẩu do Tổng Công ty điều phối với giá cả biến động tăng mạnh trong thời gian qua. Cụ thể hiện nay năng lực sản xuất trong nước chỉ có thể đáp ứng được nhu cầu phân lân, phân NPK, các loại phân như : Urê, Kali, SA, DAP… phải phụ thuộc vào nguồn nhập khẩu vì hiện nay cả nước chỉ đáp ứng được 54% nhu cầu phân Urê, 30-35% nhu cầu phân DAP, phân kali và SA phải nhập khẩu hoàn toàn vì hiện nay trong nước chưa sản xuất được….

Theo kế hoạch giai đoạn 2012-2015, khi Nhà máy Đạm Cà Mau với công suất 800.000 tấn, nhà máy Đạm Ninh Bình công suất 560.000 tấn, nhà máy đạm Hà Bắc đi vào hoạt động sẽ đáp ứng hầu hết nhu cầu phân Urê trong nước. Đến nay 2014, nhà máy DAP số 2 tại Lào Cai hoạt động sẽ đáp ứng được 80% nhu cầu vì vậy nguồn cung cấp sẽ dần ổn định trong thời gian tới.

### 8.3. Ảnh hưởng của giá cả hàng hóa đầu vào tới Doanh thu và lợi nhuận

Là đơn vị thương mại hoạt động chủ yếu là kinh doanh phân bón do vậy sự biến động giá cả trên thị trường sẽ ảnh hưởng đến giá bán của Công ty tác động trực tiếp đến doanh thu của Công ty. Tuy nhiên vì hiện nay Công ty có ưu thế về nguồn cung trên thị trường thiếu hụt hàng hóa do vậy Công ty vẫn đã duy trì chính sách bán hàng thu tiền trước theo đơn đặt hàng của các đại lý do vậy rủi ro biến độ giá đầu vào đến lợi nhuận của Công ty không cao.

### 8.4. Chi phí sản xuất

Tỷ trọng các khoản mục chi phí so với tổng chi phí hoạt động kinh doanh của PVFCCo SE

*Đơn vị: Triệu đồng*

| Stt | Khoản mục | Năm 2009 | Năm 2010 | Năm 2011 | 30/06/2012 |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Giá vốn hàng bán | 1.298.434 | 1.320.958 | 2.255.194 | 1.693.360 |
| | *Tỷ trọng % so với DTT* | *97,60%* | *95,97%* | *97,35%* | *96,44%* |
| 2 | Chi phí tài chính | 0 | 2 | 51 | - |
| | *Tỷ trọng % so với DTT* | *0,00%* | *0,00%* | *0,00%* | *0,00%* |
| 3 | Chi phí bán hàng | 8.750 | 13.464 | 17.752 | 14.581 |
| | *Tỷ trọng % so với DTT* | *0,66%* | *0,98%* | *0,77%* | *0,83%* |
| 4 | Chi phí quản lý | 7.374 | 13.286 | 20.952 | 16.518 |
| | *Tỷ trọng % so với DTT* | *0,55%* | *0,97%* | *0,90%* | *0,94%* |
| **TỔNG CỘNG** | | 1.314.558 | 1.347.710 | 2.293.949 | 1.724.459 |
| | *Tỷ trọng % so với DTT* | *98,81%* | *97,91%* | *99,00%* | *98,21%* |

*Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2009, 2010, 2011 và Báo cáo soát xét 6 tháng/2012.*

(*) Giai đoạn từ tháng 1/2011 đến 31/1/2011, Công ty hoạt động dưới hình thức Công ty TNHH trên hai thành viên. Công ty chính thức hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần kể từ ngày 31/1/2011.

PVFCCo SE là doanh nghiệp chuyên bán buôn các sản phẩm phân bón và đồng thời là đơn vị phân phối phân bón trực thuộc Tổng Công ty thực hiện nhiệm vụ bình ổn giá thị trường do vậy tỷ lệ giá vốn luôn chiếm tỷ lệ cao, chiếm trên 95% doanh thu. Chính vì vậy Công ty luôn chú trọng đến việc kiểm soát chi phí hoạt động nhằm tối đa hóa lợi nhuận cho các cổ đông, tạo sự phát triển bền vững cho Công ty bên cạnh nhiệm vụ mở rộng phát triển thị trường và chịu sự điều chỉnh của chính sách Nhà Nước về chính sách bình ổn giá phân bón trong nước.

Mặc khác hàng hóa được lấy từ kho của Tổng Công ty với hệ thống kho bãi phủ đều các vùng cây trồng trọng điểm sau khi có đơn đặt hàng đã giúp Công ty giảm được chi phí lưu kho bãi và nhu cầu vốn đầu tư hàng tồn kho.

Tỷ lệ chi phí trên doanh thu có xu hướng giảm từ 98,81% năm 2009 xuống còn 97,91% năm 2010, nhưng lại tăng cao vào năm 2011 lên đến 99%. Các khoản chi phí hoạt động chiếm tỷ trọng nhỏ và được duy trì dưới 2% doanh thu : năm 2009 tỷ lệ chi phí hoạt động trong doanh thu là 1,21%, năm 2010 là 1,94%, và năm 2011 là 1,67% trong đó chủ yếu là chi phí quản lý hoạt động và chi phí cho các cửa hàng. Cho đến nay doanh nghiệp vẫn chưa sử dụng vốn vay để tài trợ cho hoạt động của mình, chi phí tài chính phát sinh là khoản chênh lệch tỷ giá hàng nhập khẩu, tuy nhiên mức chênh lệch này là không đáng kể.

## 8.5. Trình độ công nghệ

Là đơn vị phân phối hàng hóa do vậy việc đầu tư của Công ty tập trung vào việc phát triển hệ thống kênh phân phối và hệ thống kho bãi tồn trữ hàng. Với ưu thế là đơn vị có tiền thân trực thuộc Tổng Công ty phân bón và Hóa chất Dầu Khí nhờ vậy sau khi cổ phần hóa Công ty vẫn được sự hỗ trợ từ Tổng Công ty trong việc nhận hàng tại các kho đầu mối của Tổng Công ty. Đến nay Công ty đã phát triển được 04 chi nhánh bán hàng kết hợp với đầu tư kho bãi dự trữ hàng nhằm kịp thời cung cấp hàng hóa cho nhu cầu của khu vực ở các tỉnh Lâm Đồng, Bình Phước, Đồng Nai, Tây Ninh và dự kiến sẽ mở rộng đầu tư thêm 3 chi nhánh kết hợp kho lưu trữ trong thời gian tới.

## 8.6. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

Bên cạnh thực hiện phân phối hàng hóa do Tổng Công ty cung cấp mà chủ yếu là phân Urê, Công ty còn mở rộng khai thác kinh doanh các loại phân bón khác đáp ứng nhu cầu của khu vực và mở rộng mảng kinh doanh hóa chất.

Chiến lược phát triển giai đoạn 2011 – 2015, Công ty nghiên cứu sản xuất và kinh doanh phân bón hữu cơ vi sinh, các loại hoá chất ở quy mô vừa và nhỏ. Việc nghiên cứu phát triển sản phẩm mới do phòng kế hoạch và đầu tư đảm nhiệm với đội ngũ nhân sự có kinh nghiệm cao trong việc nghiên cứu phát triển thị trường và sản phẩm vi sinh và đồng thời nhận được hỗ trợ từ kết quả nghiên cứu sản phẩm mới của Tổng Công ty.

## 8.7. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ

Là một đơn vị thuần túy về thương mại, Công ty luôn chú trọng đến khâu kiểm soát chặt chẽ về chất lượng hàng hóa đầu vào. Đối với các sản phẩm hàng hóa được Tổng công ty sản xuất và cung cấp như Urê Phú Mỹ thì luôn có một bộ phận chuyên môn tại Nhà máy thực hiện công tác kiểm tra, kiểm soát về chất lượng rất chặt chẽ trước khi xuất hàng ra khỏi Nhà máy.

Đối với các hàng hóa nhập khẩu, Công ty luôn chọn các đơn vị có năng lực và uy tín trong nước cũng như trên thị trường quốc tế, hàng hóa nhập khẩu về được thực hiện theo đúng quy trình, kiểm tra chất lượng phải luôn đảm bảo đạt tiêu chuẩn quy định của Nhà nước trước khi bán hàng hóa ra ngoài thị trường.

Đặc biệt đối với các sản phẩm hàng hóa là hóa chất Công ty luôn chú trọng đến chất lượng, đảm bảo an toàn trong công tác vận chuyển cũng như bảo quản. Hàng hóa giao cho khách hàng luôn đảm bảo đúng chất lượng theo như cam kết.

Bên cạnh đó, các khâu về dịch vụ như kho vận, bao bì, bảo hiểm…Công ty luôn có các đối tác liên kết với chất lượng dịch vụ tốt và uy tín. Công ty đang dần hoàn thiện mạng lưới hệ thống kho trung chuyển tại các khu vực trọng điểm, đã có hệ thống kho trung chuyển tại Đồng Nai, Lâm Đồng, Bình Phước, và Tây Ninh, trong tương lai sẽ xây dựng thêm tại Đắk Nông và Bình Thuận. Đảm bảo được nguồn hàng hóa lưu trữ và phân phối luôn đầy đủ và cung cấp kịp thời cho khách hàng khi có nhu cầu.

## 8.8. Chính sách giá cả

Chính sách giá cả phân bón của Công ty luôn bám sát diễn biến giá thị trường. Tuy nhiên tùy thời điểm cụ thể giá phân phối có thể dao động từ 1% - 3% so với giá phân ngoại nhập nhằm điều tiết thị trường, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng theo chính sách giá từ Tổng Công ty.

## 8.9. Hoạt động Marketing

Công ty tiêu thụ sản phẩm phân bón trên thị trường khu vực Đông Nam Bộ gồm 11 tỉnh thành sau: Tp. Hồ Chí Minh, Long An, Tây Ninh, Bà Rịa Vũng Tàu, Đồng Nai, Bình Dương, Bình Phước, Đăknông, Lâm Đồng, Bình Thuận, Ninh Thuận. Công ty đã đáp ứng cho thị trường này khoảng hơn 50% nhu cầu về phân Urê, 18% nhu cầu về phân NPK. Công ty phấn đấu trở thành đơn vị phân phối chuyên nghiệp và có uy tín cao trong khu vực với mục tiêu duy trì thị phần tối thiểu 25% nhu cầu thị phần phân bón khu vực.

Đối với mặt hàng hóa chất , thị trường hiện nay gồm các tỉnh thuộc khu vực Đông Nam Bộ và Quảng Ngãi mà chủ yếu là cung cấp hóa chất cho nhà máy Đạm Phú Mỹ và Nhà máy lọc dầu Dung Quất.

Công ty đã xây dựng hệ thống kênh phân phối chuyên nghiệp với 04 chi nhánh tại Lâm Đồng, Đồng Nai, Bình Phước, Tây Ninh và 27 đại lý, hơn 724 cửa hàng phủ khắp 11 tỉnh khu vực Đông Nam Bộ đáp ứng kịp thời, ổn định và đảm bảo chất lượng với giá cả hợp lý đến người tiêu dùng. Bên cạnh việc đầu tư mở rộng hệ thống phân phối, cửa hàng kết hợp kho chứa Công ty luôn chú trọng nâng cao năng lực và phát triển đội ngũ bán hàng đến từng khu vực và đồng thời kết hợp xây dựng cơ sở dữ liệu về thị trường nhằm cung cấp giải pháp sử dụng phân bón hiệu quả, an toàn với môi trường cho các cây trồng chủ lực ở khu vực Đông Nam Bộ từng bước nâng cao uy tín của của PVFCCo SE trên thị trường.

Đồng thời với ưu thế là đơn vị phân phối hàng của Tổng Công ty, Sản phẩm Công ty được mang thương hiệu phân bón Đạm Phú Mỹ đã tạo lập được chỗ đứng vững chắc trên thị trường phân bón trong nước.

Ngoài ra để quảng bá hình ảnh và nâng cao vị thế của Công ty trong tiềm thức của người tiêu thụ, Công ty kết hợp quảng bá hình ảnh và thương hiệu của mình thông qua các hoạt động quảng cáo khuyến mãi dựa trên nền tảng thương hiệu Tổng Công ty với đặc thù riêng cho PVFCCo SE, tích cực tham gia các hoạt động từ thiện, tổ chức các hội thảo với khách hàng hàng năm nhằm duy trì và tạo mối quan hệ sâu rộng khách hàng Công ty.

Trong năm 2011, Công ty đã xây dựng và hoàn thiện trang web riêng như là một kênh thông tin chính thức đến các đối tác và cổ đông của Công ty.

### 8.10. Nhãn hiệu thương mại Công ty

Hiện tại Công ty chưa có đăng ký nhãn hiệu thương mại, phát minh sáng chế và bản quyền.

### 8.11. Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

***Một số hợp đồng lớn tiêu biểu đang được thực hiện hoặc đã được ký kết năm 2011***

| STT | Đối tác ký hợp đồng | Nội dung hợp đồng | Giá trị (đồng) | Thời gian ký hợp đồng |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu Khí- CTCP | Hợp đồng mua phân Urê Đạm Phú Mỹ | 61.600.000.000 | 16/03/2011 |
| 2 | Công ty TNHH MTV thương mại dịch vụ | Hợp đồng mua phân Urê Indonesia | 15.840.000.000 | 18/12/2010 |
| 3 | Doanh nghiệp tư nhân Nguyên Ngọc | Hợp đồng mua phân SA Nhật | 32.578.766.000 | 25/3/2010 |
| 4 | Công ty TNHH TMDV Hoa Anh Đào | Hợp đồng bán phân SA Nhật | 1.040.000.000 | 25/03/2011 |
| 5 | Doanh nghiệp tư nhân Minh Khoa | Hợp đồng bán phân Urê Đạm Phú Mỹ | 4.800.000.000 | 25/03/2011 |
| 6 | Công ty TNHH TM-DV Kim Ngoan | Hợp đồng bán phân Urê Đạm Phú Mỹ | 16.000.000.000 | 17/03/2011 |
| 7 | Doanh Nghiệp Tư Nhân Tuấn Vũ | Hợp đồng bán phân Urê Indonesia | 16.260.000.000 | 28/12/2010 |
| 8 | Chi Nhánh PVFCCo - Nhà Máy Đạm Phú Mỹ | Hợp Đồng Mua Bán Hóa Chất. | Hợp đồng Nguyên tắc | 29/06/2010-31/03/2012 |
| 9 | Cty Cổ phần Thương mại Linh Ngân | Hợp Đồng Mua Bán Hóa Chất. | Hợp đồng Nguyên tắc | 03/03/2011-03/03/2013 |
| 10 | Chi Nhánh Công ty TNHH MTV TCT Điện Lực Dầu Khí Việt Nam; Công ty Điện Lực Dầu Khí Nhơn Trạch | Hợp Đồng Mua Bán Hóa Chất. | Hợp đồng Nguyên tắc | 1/3/2011-31/12/2011 |
| 11 | Tổng công ty Dung dịch Khoan và Hóa Phẩm Dầu Khí - CTCP | Hợp Đồng Mua Bán Hóa Chất. | 2.805 tỷ đồng | 10/08/2010 |

Nguồn: PVFCCo- SE

## 9. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong 03 năm gần nhất

### 9.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động SXKD của Công ty trong 03 năm gần nhất

***Một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh:***

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

| Stt | Khoản mục | Năm 2009 | Năm 2010 | Năm 2011 | 30/06/2012 |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Vốn điều lệ | 85.000 | 85.000 | 125.000 | 125.000 |
| 2 | Tổng giá trị tài sản | 113.978 | 140.453 | 196.118 | 282.780 |
| 3 | Doanh thu thuần | 1.330.339 | 1.376.463 | 2.316.568 | 1.755.875 |
| 4 | Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 19.856 | 40.212 | 37.175 | 36.680 |
| 5 | Lợi nhuận khác | 213 | 374 | 13 | 33 |
| 6 | Lợi nhuận trước thuế | 20.069 | 40.586 | 37.187 | 36.713 |
| 7 | Lợi nhuận sau thuế | 16.532 | 30.387 | 27.651 | 27.535 |
| 8 | Lợi nhuận sau thuế/DTT | 1,24% | 2,21% | 1,19% | 1,57% |

*Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2009, 2010, 2011 và Báo cáo soát xét 6 tháng/2012*

Kể từ ngày 1/1/2011 Công ty chuyển đổi hình thức hoạt động từ Công ty TNHH MTV sang hình thức Công ty TNHH trên hai thành viên đồng thời tăng vốn điều lệ từ 85 tỷ đồng lên 125 tỷ đồng.

Doanh thu năm 2010 đạt 1.376 tỷ đồng tăng 3,47% so với năm 2009 nhưng lợi nhuận sau thuế tăng đến 83,8% đạt 30,3 tỷ đồng. Đặc biệt doanh thu tăng mạnh trong năm 2011: doanh thu đạt 2.316 tỷ đồng tăng 68,3% so với năm 2010, tuy nhiên, lợi nhuận sau thuế chỉ đạt hơn 27 tỷ đồng thấp hơn năm 2010, nhưng mức giảm không đáng kể (giảm 9% so với năm 2010). Điều này dẫn đến tỷ lệ LNST/ DTT đã giảm từ 2,21% trong năm 2010 còn 1,19% năm 2011. Hoạt động kinh doanh đạt được mức tăng trưởng cao trong giai đoạn 2009-2010 là vì trong giai đoạn này tình hình thị trường phân bón thiếu hụt nguồn cung và biến động giá tăng mạnh đặc biệt giá phân bón Urê mặt hàng chủ lực của Công ty. Do vậy trong giai đoạn này tỷ lệ lợi nhuận sau thế trên doanh thu tăng từ 1,24% năm 2009 lên 2,21% năm 2010. Đồng thời với ưu thế là doanh nghiệp thành viên của Tổng Công ty Phân Bón và Hóa chất Dầu Khí (PVFCCo) được cơ cấu như là đơn vị chuyên phân phối hàng do Tổng Công ty sản xuất tại khu vực Đông Nam Bộ, Công ty được ưu tiên về nguồn hàng và hệ thống kho bãi do Tổng Công ty đầu tư nhờ đó nhu cầu vốn đầu tư thấp.

Tuy nhiên, đến năm 2011, lợi nhuận giảm là do chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp tăng cao hơn so với năm 2009 và 2010.

## 9.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2011

- **Những nhân tố thuận lợi:**

Là một công ty thành viên của Tổng Công ty Phân bón hóa chất Dầu khí, Công ty được mang thương hiệu phân bón Đạm Phú Mỹ đã tạo lập được chỗ đứng vững chắc trên thị trường phân bón trong nước và luôn nhận được sự quan tâm hỗ trợ của Tổng Công ty.

Nguồn hàng được cung cấp chủ yếu từ Tổng Công ty luôn đảm bảo về chất lượng và ổn định. Hàng hóa được lấy từ kho của Tổng Công ty với hệ thống kho bãi phủ đều các vùng cây trồng trọng điểm sau khi có đơn đặt hàng giảm chi phí lưu kho bãi và nhu cầu vốn đầu tư hàng tồn kho.

Công ty được giao khai thác thị trường phân bón khu vực Đông Nam Bộ là vùng cây trồng trọng điểm của cả nước về sản xuất nông nghiệp với diện tích đất nông nghiệp chiếm 25,6% diện tích đất nông nghiệp của cả nước, trong đó diện tích đất trồng cây lâu năm chiếm 43,1% diện tích đất trồng cây lâu năm của cả nước, cơ cấu cây trồng chủ yếu là cây công nghiệp có giá trị kinh tế cao, là những cây có nhu cầu lớn và chủ yếu về phân Urê, NPK, Kali, SA

Lượng Urê Đạm Phú Mỹ và Urê nhập khẩu chiếm tỷ trọng lớn (hơn 50% thị phần).

- **Những nhân tố khó khăn:**

Địa bàn phân phối rộng nhưng nhân viên thị trường mỏng nên gặp nhiều khó khăn trong công tác quản lý, giám sát hệ thống phân phối và thu thập thông tin thị trường.

Ngoài ra các Đại lý/Cửa hàng hiện nay của Công ty xuất thân từ những nhà bán lẻ nên việc thu thập thông tin khá khó khăn và chưa nắm sát tình hình tồn kho của Đại lý/ Cửa hàng trực thuộc. Do vậy công tác dự báo giá cả và nhu cầu trong khu vực còn nhiều hạn chế nên việc kinh doanh hàng nhập khẩu còn gặp nhiều khó khăn và ảnh hưởng để lượng hàng trên khu vực.

Hiện nay chính sách bán hàng là thu tiền trước do vậy Công ty chưa cần đến nhu cầu vốn vay để hoạt động nhờ đó giảm được chi phí hoạt động tuy nhiên chính sách này đã làm giảm khả năng cạnh tranh của Công ty trên thị trường.

Kể từ năm 2010 trở về trước Công ty là đơn vị trực thuộc Tổng Công ty Phân Bón và Hóa chất Dầu Khí nên hoạt động phân phối dưới sự chỉ đạo của Tổng Công ty và điều chỉnh của chính sách nhà nước về chính sách bình ổn giá phân bón trong nước do vậy

hoạt động kinh doanh của Công ty kém linh hoạt. Kể từ ngày 31/01/2011, Công ty chính thức chuyển đổi sang hình thức Công ty cổ phần mở ra cơ hội và thách thức mới cho Ban lãnh đạo của Công ty trong việc điều hành theo cơ chế mới và linh hoạt hơn.

### 9.3. Về báo cáo tài chính năm 2009

Công ty hoạt động dưới hình thức Công ty TNHH MTV, tuy nhiên báo cáo kiểm toán năm 2009 đóng dấu của Công ty cổ phần bởi vì năm 2009 Công ty là đơn vị thành viên của Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí – CTCP nên không tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính riêng. Để đáp ứng đủ điều kiện về hồ sơ niêm yết: có báo cáo tài chính 2 năm trước khi đăng ký niêm yết, ngày 29/04/2011, Công ty đã thuê Công ty TNHH Deloitte thực hiện kiểm toán lại năm 2009. Tuy nhiên ngày 31/01/2011, Công ty chính thức chuyển đổi sang hình thức Công ty cổ phần, do vậy không còn dấu của Công ty TNHH.

Theo Điều 154, Luật Doanh nghiệp số 60 thì: "Công ty chuyển đổi được hưởng các quyền và lợi ích hợp pháp, chịu trách nhiệm về các khoản nợ chưa thanh toán, hợp đồng lao động và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty được chuyển đổi." Do đó, Công ty đã dùng dấu Công ty cổ phần đóng dấu cho báo cáo tài chính kiểm toán của Công ty TNHH.

## 10. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác cùng ngành

### 10.1. Vị thế của Công ty trong ngành

Thị trường khai thác chính của PVFCCo SE là khu vực Đông Nam Bộ, đây là vùng cây trồng trọng điểm của cả nước về sản xuất nông nghiệp với diện tích đất nông nghiệp chiếm 25,6% diện tích đất nông nghiệp của cả nước, trong đó diện tích đất trồng cây lâu năm chiếm 43,1% diện tích đất trồng cây lâu năm của cả nước. Là khu vực được thiên nhiên ưu đãi thuận lợi cho việc phát triển cây nông nghiệp với cơ cấu cây trồng chủ yếu là cây công nghiệp có giá trị kinh tế cao, là những cây có nhu cầu lớn và chủ yếu về phân Urê, NPK, Kali, SA …: Tổng nhu cầu phân bón năm 2009 của cả khu vực khoảng 1,4 triệu tấn, Trong đó PVFCCo SE chiếm hơn 16% thị phần phân bón khu vực và chiếm hơn 50% thị phần phân Urê.

Với ưu thế có tiền thân là đơn vị thành viên của Tổng Công ty phân bón và Hóa chất Dầu Khí, đơn vị thành viên của Tập đoàn dầu khí Quốc gia Việt Nam, Công ty được sử dụng thương hiệu của Tập đoàn và Tổng Công ty trong hoạt động của mình nhờ đó việc xây dựng thương hiệu riêng cho PVFCCo tại Đông Nam Bộ có nhiều thuận lợi. Mặt

khác sản phẩm của Công ty phân phối được mang thương hiệu phân bón Đạm Phú Mỹ đã tạo được chỗ đứng vững chắc trên thị trường phân bón tại Việt Nam và khu vực lân cận. Đó là tiền đề vững chắc cho Công ty hướng đến mục tiêu phát triển PVFCCo SE trở thành doanh nghiệp phân phối mạnh, hàng đầu tại khu vực Đông Nam Bộ về kinh doanh phân bón và đồng thời phát triển kinh doanh một số hóa chất phục vụ ngành công nghiệp dầu khí và nông nghiệp nhằm tăng sản lượng, chất lượng và nâng thị phần phân Urê tại khu vực lên 65%.

## 10.2. Triển vọng phát triển của ngành

### 10.2.1. Triển vọng phát triển của thị trường phân bón

Thị trường phân bón Việt Nam trong những năm gần đây phát triển mạnh mẽ, từ chỗ chỉ có nhà máy Urê Hà Bắc sản xuất 30.00 tấn/năm (năm 1960), năm 1962 có nhà máy Super Lâm Thao sản xuất 100.000 tấn/năm, năm 1693 năm 1963 Nhà máy Lân nung chảy Văn Điển 20.000 tấn…chưa có nhà máy phân hữu cơ, nhà máy NPK. Đến nay, đã có các nhà máy lân nung chảy hơn triệu tấn, các nhà máy phân hỗn hợp (NPK) từ 3-3,5 triệu tấn và các nhà máy phân hữu cơ…tuy nhiên nguồn cung vẫn chưa đáp ứng đủ nhu cầu cho hoạt động sản xuất trong ngành, phải nhập khẩu từ các nước như Trung Quốc, Indonesia, Nhật Bản…

Tổng nhu cầu phân Urê cả nước khoảng 1,6 triệu tấn, trong đó Tổng Công ty phân bón và hóa chất dầu khí cung cấp 700.000-800.000 tấn/năm, Công ty TNHH 1TV phân bón và hóa chất Hà Bắc 180-190.000 tấn/năm, nhu cầu nhập khẩu khoảng 740.000 tấn/ năm. Đến năm 2012-2015 dự án Nhà máy Đạm Cà Mau, nhà máy Đạm Ninh Bình và dự án mở rộng nhà máy Đạm Hà Bắc thì công suất sản xuất phân đạm cả nước lên đến 2.660.000 tấn/năm, vượt nhu cầu trong nước hướng đến phát triển xuất khẩu sang thị trường các nước lân cận.

Về chủng loại sản phẩm thì những năm 2000 trở về trước, thế giới chủ yếu sản xuất phân hóa học (vô cơ) gồm các loại như Urê, SA, Kali, MOP, DAP, Sulphur… ít quan tâm đến phân hữu cơ và phân chuyên dụng. Nhưng những năm gần đây đã chuyển biến thành xu thế phát triển phân bón hỗn hợp chất lượng cao, phân hữu cơ, phân chuyên dụng.

Trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp đã hình thành một số vùng sản xuất hàng hóa nông sản, hàng nông sản xuất khẩu tăng qua các năm đã kích thích người nông dân tích cực sản xuất và đồng thời Nhà nước ban hành nhiều chính sách nhằm khuyến khích phát

triển nông nghiệp đã làm cho nông dân yên tâm sản xuất nông nghiệp giúp cho thị trường phân bón dần hình thành và đi vào nề nếp. Tuy nhiên, sự tác động của biến đổi khí hậu, tình trạng đô thị hóa, công nghiệp hóa, phát triển hạ tầng…làm giảm diện tích đất trồng trọt dẫn đến nhu cầu sử dụng phân bón có thể giảm sút. Để đảm bảo an ninh lương thực chỉ có thể tăng năng suất cây trồng trên những diện tích còn lại và cung ứng các loại phân bón có chất lượng tốt cho nông nghiệp.

- **Nhu cầu tiêu thụ phân bón([1])**:

Nhu cầu tiêu thụ phân bón dựa trên tính toán của Hiệp hội phân bón dự báo trên cơ sở đã tính đến diện tích gieo trồng của các loại cây và năng suất dự kiến của Bộ Nông Nghiệp và Phát triển nông thôn như sau:

| Loại dinh dưỡng | Năm 2010 | Năm 2015 |
|---|---|---|
| **Đạm (N)** | 1.500 | 1.650 |
| **P2O5** | 732 | 805 |
| **K20** | 522 | 585 |
| **Tỷ lệ N:P2O5:K20** | 1: 0,488 : 0,348 | 1 : 0,488 : 0,355 |
| **Phân hữu cơ** | **300** | **600** |

Sau khi xem xét các khía cạnh liên quan đến nhu cầu tiêu thụ phân bón trong thời gian tới như mức tiêu thụ phân bón trung bình các năm qua, yêu cầu tăng năng suất cây trồng, xu thế sử dụng phân hóa học, khả năng cân đối nguồn nguyên liệu sản xuất. Sơ bộ tính toán lượng phụ phẩm các cây trồng chính có thể được làm nguyên liệu để sản xuất phân hữu cơ công nghiệp như sau: rơm rạ: 28 triệu tấn; ngô: 5 triệu tấn; sắn: 4 triệu tấn; lạc và đậu tương: 3 triệu tấn; lá, thân, bã bìn mía: 15 triệu tấn; lá và vỏ quả cà phê: 1 triệu tấn..v.v…Như vậy có thể khai thác khoảng 56-60 triệu tấn phế phụ phẩm cây trồng chính để làm nguyên liệu sản xuất phân hữu cơ công nghiệp.

**Cân đối sản xuất, nhập khẩu, xuất khẩu phân bón:**

| Loại dinh dưỡng | Cung cầu | Năm 2015 |
|---|---|---|
| **Đạm (N)** | Nhu cầu | 1.684 |
| | Sản xuất | 1.662 |

[1] *Nguồn: Báo cáo về thị trường phân bón trong nước, thế giới những năm qua và tầm nhìn đến năm 2020 của Hiệp hội Phân bón Việt Nam*

| Loại dinh dưỡng | Cung cầu | Năm 2015 |
|---|---|---|
| | Nhập khẩu | - |
| | Xuất khẩu | 12 |
| **P2O5** | Nhu cầu | 804 |
| | Sản xuất | 677 |
| | Nhập khẩu | 127 |
| | Xuất khẩu | - |
| **K2O** | Nhu cầu | 585 |
| | Sản xuất | 300 |
| | Nhập khẩu | 285 |
| | Xuất khẩu | - |
| **Tổng dinh dưỡng** | | **3.073** |
| **Tính theo kg/ha** | | **218** |

### 10.2.2. Triển vọng phát triển của thị trường phân bón tại khu vực Đông Nam Bộ

Đông Nam Bộ có vị trí địa lí rất thuận lợi để phát triển kinh tế - xã hội và nông nghiệp. Vùng này nằm kề với đồng bằng sông Cửu Long – vùng lương thực, thực phẩm lớn nhất cả nước, giao lưu thuận tiện nhờ có mạng lưới kênh rạch và hệ thống đường bộ và dễ dàng giao lưu với Campuchia, với vùng Nam Tây Nguyên; bằng đường bộ và đường sắt xuyên Việt có thể liên hệ với các tỉnh khác trong cả nước, nhất là duyên hải Nam Trung Bộ, đặc biệt với cụm cảng Sài Gòn và Vũng Tàu tạo cửa ngõ cho vùng mở ra với nước ngoài thuận lợi.

Đông Nam Bộ là khu vực đứng thứ 2 cả nước về diện tích cây lương thực sau khu vực Đồng Bằng Sông Cửu Long, và là khu vực tập trung các loại cây trồng lâu năm có giá trị cao như Café, Hồ Tiêu, Điều… có nhu cầu phân bón ổn định, với giá trị sản xuất nông nghiệp đang tăng dần so với các vùng miền và là vùng có tốc độ tăng trưởng cao nhất cả nước.

Khó khăn của vùng là mùa khô ở đây kéo dài, có khi tới 4 tháng (từ cuối tháng 11 đến hết tháng 3), dẫn đến tình trạng thiếu nước cho cây trồng, cho sinh hoạt của dân cư và cho công nghiệp (đặc biệt là nước trong các hồ thuỷ điện). Tuy nhiên đây là vùng được thiên nhiên ưu đãi khí hậu tương đối ôn hòa và đất đỏ bazan phì nhiêu phù hợp phát triển cây trồng lâu năm, cây công nghiệp, cây ăn quả và đặc biệt là vùng thuận lợi cho việc trồng bông.

Sản phẩm kinh doanh chủ yếu của PVFCCo SE trong hiện tại và tương lai vẫn là phân bón nên việc thay đổi trong quy hoạch sử dụng diện tích đất nông nghiệp mà trong đó diện tích trồng lúa và các loại cây lâu năm là yếu tố ảnh hưởng nhiều nhất đến kết quả kinh doanh của Công ty trong thời gian sắp tới.

### 10.2.3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng phát triển của ngành, chính sách của nhà nước và xu thế chung của thế giới

**Định hướng phát triển của Công ty:**

- Xây dựng và phát triển PVFCCo SE trở thành doanh nghiệp phân phối mạnh, hàng đầu tại khu vực Đông Nam Bộ về kinh doanh phân bón với những chiến lược phát triển cụ thể như sau:
  - Cung cấp các sản phẩm phân bón và hóa chất đảm bảo chất lượng, ổn định, hiệu quả cho khách hàng tại khu vực Đông Nam Bộ, từng bước chiếm lĩnh thị trường phân bón trong khu vực, đặc biệt nâng thị phần phân bón chủ lực là Urê và NPK.
  - Đầu tư mở rộng hệ thống kênh phân phối, kho chứa rộng khắp các vùng, cây trọng điểm hướng đến tạo dựng được hệ thống phân phối chuyên nghiệp góp phần cung cấp kịp thời, ổn định, đảm bảo chất lượng với giá cả hợp lý đến người tiêu dùng.
  - Chú trọng phát triển các giải pháp sử dụng phân bón hiệu quả và an toàn với môi trường trên cơ sở kết hợp chặt chẽ mối quan hệ giữa bốn nhà (nhà quản lý, nhà doanh nghiệp, nhà khoa học, nhà nông) để giúp người nông dân (là những khách hàng quan trọng của Công ty) ngày càng nâng cao hiệu quả sản xuất nông nghiệp so với việc sử dụng phân bón của các nhà cung cấp khác.
- Mặc khác phát triển kinh doanh một số hóa chất phục vụ ngành công nghiệp dầu khí và nông nghiệp nhằm tăng sản lượng, chất lượng và thị phần của Công ty trong thị trường này.

**Định hướng phát triển ngành phân bón[(2)]**

- Hình thành hệ thống sản xuất phân bón với công nghệ hiện đại, quy mô lớn và hệ thống phân phối an toàn, hiệu quả nhằm cung ứng đủ về số lượng và chủng loại phân bón với chất lượng tốt, giá cả hợp lý, phục vụ sản xuất nông nghiệp, đảm bảo an ninh lượng thực đồng thời đẩy mạnh xuất khẩu trong bối cảnh diện tích canh tác ngày cang bị thu hẹp do biến đổi khí hậu, đô thị hóa và dân số tăng cao … cụ thể:

---

[2] *Quy hoạch phát triển hệ thống sản xuất và hệ thống phân phối mặt hàng phân bón giai đoạn 2010-2020, có xét đến năm 2025*

- Dần dần đáp ứng nhu cầu về phân đạm, phân lân, phân kali, các loại phân bón trung lượng và vi sinh;
- Tổ chức hệ thống các cơ sở sản xuất phân hỗn hợp NPK hợp lý, có tổ chức với chất lượng tốt, giá thành hợp lý phù hợp yêu cầu của từng đối tượng cây trồng, từng vùng đất;
- Bố trí hệ thống phân phối hợp lý, an toàn, đảm bảo cung ứng kịp thời các loại phân bón cho nông dân với giá cả hợp lý;
- Đảm bảo thị trường phân bón trong nước ổn định, không có sản phẩm kém chất lượng, không gây hiện tượng sốt hàng hoặc đôn giá.

**Đánh giá về sự phù hợp:**

Như đã phân tích ở trên, ta thấy, định hướng phát triển của Công ty hoàn toàn phù hợp với định hướng phát triển của ngành trong thời gian tới.

## 11. Chính sách đối với người lao động

### 11.1. Số lượng người lao động trong Công ty

Tính đến thời điểm 31/03/2012, tổng số lao động của Công ty là 63 người. Cơ cấu lao động của Công ty phân theo phòng ban chức năng, giới tính, thời hạn hợp đồng lao động và trình độ chuyên môn được thể hiện trong bảng sau:

| I. | Phân theo giới tính | Số lượng (người) | Tỷ lệ (%) |
|---|---|---|---|
| | Nam | 46 | 73% |
| | Nữ | 17 | 27% |
| **II.** | **Phân theo thời hạn hợp đồng lao động** | **Số lượng (hợp đồng)** | **Tỷ lệ (%)** |
| | Hợp đồng lao động không xác định | 14 | 22% |
| | Hợp đồng lao động có thời hạn xác định 1-3 năm | 49 | 78% |
| | Hợp đồng ngắn hạn dưới 01 năm | 0 | 0% |
| **III.** | **Phân theo trình độ chuyên môn** | **Số lượng (người)** | **Tỷ lệ (%)** |
| | Trên đại học | 2 | 3,17% |
| | Đại học | 51 | 80,95% |
| | Cao đẳng, trung cấp | 7 | 11,11% |
| | Công nhân Kỹ thuật | 2 | 3,17% |
| | Lao động phổ thông | 1 | 1,58% |

| IV. | Phân theo phòng ban chức năng | Số lượng (người) | Tỷ lệ (%) |
|---|---|---|---|
| | **Ban Lãnh đạo** | **4** | **7%** |
| | Chủ tịch HĐQT | 1 | |
| | Giám đốc | 1 | |
| | Phó Giám đốc | 2 | |
| | **Các phòng ban trực thuộc** | **43** | **68%** |
| | Phòng Tổ chức – Hành chính | 13 | |
| | Phòng Tài chính – Kế toán | 8 | |
| | Phòng Kế hoạch – Đầu tư | 7 | |
| | Phòng Kinh doanh | 15 | |
| | **Chi nhánh** | **16** | **25%** |
| | Chi nhánh Lâm Đồng | 3 | |
| | Chi nhánh Đồng Nai | 5 | |
| | Chi nhánh Bình Phước | 4 | |
| | Chi nhánh Tây Ninh | 4 | |
| | **TỔNG CỘNG** | **63** | **100%** |

Nhìn chung, đội ngũ cán bộ chủ chốt của Công ty đều được chú ý, tuyển chọn và đào tạo đảm bảo cho sự phát triển nguồn nhân lực lâu dài của Công ty. Công ty hiện đang sử dụng chủ yếu là lao động có trình độ đại học chiếm 81% tổng số lao động.

### 11.2. Chính sách đào tạo, lương và các chính sách đãi ngộ khác

Với mục tiêu ngày càng nâng cao hiệu quả kinh doanh và đời sống cho người lao động, tạo động lực cho nhân viên không ngừng phấn đấu và gắn bó lâu dài với Công ty, PVFCCo SE đã đặt ra kế hoạch và chính sách đối với người lao động như sau:

- Bố trí, đào tạo, luân chuyển và phát triển nguồn nhân lực theo hướng tinh gọn, chuyên nghiệp, đáp ứng yêu cầu phát triển của Công ty.
- Nâng cao năng suất, chất lượng lao động trong toàn Công ty, đảm bảo tốc độ tăng lao động thấp hơn tốc độ tăng doanh thu.
- Xây dựng và hoàn thiện hệ thống chính sách, quy trình, quy chế từ tuyển dụng - đào tạo - sử dụng - đánh giá - đãi ngộ phù hợp.

- Đào tạo nâng cao trình độ quản lý, chuyên môn nghiệp vụ cho CB.CNV, đặc biệt là đội ngũ kinh doanh và thị trường.
- Xây dựng, ban hành hệ thống tiêu chuẩn chức danh công việc, chính sách nhân viên và chế độ lương, thưởng, đãi ngộ theo năng lực và hiệu quả công việc, đảm bảo cạnh tranh so với thị trường nhằm động viên, khuyến khích người lao động phát huy tính chủ động, sáng tạo trong công việc và gắn bó lâu dài với Công ty.
- Đảm bảo mức thu nhập bình quân của người lao động cạnh tranh với thị trường và đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu cuộc sống của người lao động.
- Người lao động làm việc tại PVFCCo- SE được hưởng đầy đủ các chính sách về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, trợ cấp ốm đau, thai sản, dưỡng sức, phục hồi sức khỏe, trợ cấp thôi việc theo đúng luật định. Công ty ký hợp đồng mua bảo hiểm con người với Công ty cổ phần bảo hiểm dầu khí (PVI) cho CBCNV.
- Xây dựng tinh thần đoàn kết, tác phong chuyên nghiệp, tinh thần kỷ luật cao trong đội ngũ cán bộ - công nhân viên.
- Tạo môi trường làm việc an toàn, thân thiện, hiện đại; khuyến khích cho cán bộ - công nhân viên học tập, nâng cao trình độ.
- Hàng năm Công ty có tổ chức cho CBCNV đi tham quan, nghỉ mát.

## 12. Chính sách cổ tức

Công ty tiến hành trả cổ tức cho cổ đông khi kinh doanh có lãi và đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; Ngay khi trả hết số cổ tức đã định, Công ty vẫn đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả. Đại hội cổ đông thường niên sẽ quyết định tỷ lệ cổ tức trả cho cổ đông dựa trên đề xuất của Hội đồng quản trị, kết quả kinh doanh của năm hoạt động và phương hướng hoạt động kinh doanh của năm tới.

Năm 2011, tỷ lệ chi trả cổ tức của Công ty trong giai đoạn 01/02 đến 31/12/2011 là 13,34%.

Tính đến ngày 31/08/2012, Hội đồng quản trị Công ty đã có nghị quyết về việc tạm ứng cổ tức bằng tiền mặt đợt 1 năm 2012 là 7% mệnh giá (700đ/Cổ phiếu). Thời gian chi trả cổ tức bắt đầu từ ngày 05/09/2012.

## 13. Tình hình hoạt động tài chính

### 13.1. Các chỉ tiêu cơ bản

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm, tuy nhiên năm tài chính 2011 được tính từ ngày 01/2/2011 đến hết ngày 31/12/2011 do Công ty được chuyển đổi từ hình thức hoạt động Công ty TNHH sang Công ty Cổ phần kể từ ngày 31/01/2011. Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006-TC/QĐ/CĐKT ngày 20/03/2006, các chuẩn mực kế toán do Bộ tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung hướng dẫn thực hiện kèm theo.

#### 13.1.1. Trích khấu hao TSCĐ

Chi phí khấu hao TSCĐ của Công ty được trích phù hợp với quy định của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

- TSCĐ được xác định theo nguyên giá trừ (–) giá trị hao mòn lũy kế.
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.
- Sau khi ghi nhận ban đầu, trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được xác định theo nguyên giá, khấu hao lũy kế và giá trị còn lại. Trường hợp tài sản cố định hữu hình được đánh giá lại thì nguyên giá, khấu hao lũy kế và giá trị còn lại phải được điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại.
- TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn của Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12/12/2003 của Bộ Tài chính và Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thời gian tính khấu hao cụ thể như sau:

| Stt | Loại tài sản | Năm |
|---|---|---|
| **I** | **TSCĐ hữu hình** | |
| 1 | Nhà cửa, vật kiến trúc | 06 – 20 |
| 3 | Phương tiện vận tải | 06 |
| 4 | Thiết bị văn phòng | 02-05 |
| **II.** | **TSCĐ vô hình** | |
| 1 | Phần mềm máy tính | 04 |
| 2 | Quyền sử dụng đất | 32-50 |

#### 13.1.2. Mức lương bình quân

Thu nhập bình quân hàng tháng của người lao động trong Công ty năm 2011 là 19,65 triệu đồng/ người/ tháng, với tổng số cán bộ công nhân viên là 64 người. Đây là mức thu nhập thuộc mức cao so với các doanh nghiệp khác hoạt động trong cùng ngành.

**13.1.3. Thanh toán các khoản nợ đến hạn**

Việc thanh toán các khoản công nợ như: ngân hàng, khách hàng,... luôn được Công ty quan tâm thanh toán đúng và đủ theo hợp đồng đã ký kết. Đến thời điểm 31/3/2011, Công ty không có nợ quá hạn.

**13.1.4. Các khoản phải nộp theo luật định**

Các khoản phải nộp theo luật định như: các loại thuế, phí và lệ phí, … luôn được Công ty thực hiện tốt, hoàn thành nghĩa vụ của mình.

**13.1.5. Trích lập các quỹ theo luật định**

Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, việc trích lập và sử dụng các quỹ hàng năm sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Công ty thực hiện việc trích lập các quỹ theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và quy định của pháp luật hiện hành.

**Số dư các quỹ qua các năm như sau :**

*Đvt: Triệu đồng*

| Stt | Khoản mục | 31/12/2009 | 31/12/2010 | 31/12/2011 | 30/06/2012 |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Quỹ dự phòng tài chính | 2.469 | - | 1.383 | 2.759 |
| 2 | Quỹ đầu tư phát triển | 3.704 | - | 2.765 | 5.519 |
| 3 | Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 150 | 742 | 2.202 | 3.802 |
| 4 | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 11.573 | 28.868 | 10.590 | 21.940 |
| | **Tổng Cộng** | **17.896** | **29.609** | **16.940** | **34.020** |

*Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2009, 2010, 2011 và Báo cáo soát xét 6 tháng/2012*

Trong năm 2009, 2010 Công ty hoạt động theo hình thức Công ty TNHH Một thành viên với 100% vốn điệu lệ thuộc Tổng Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa Chất Dầu Khí (PVFCCo), do đó tại thời điểm 31/12/2010, khi thực hiện xác định giá trị doanh nghiệp của PVFCCo để xác định phần vốn góp của PVFCCo vào Công ty TNHH hai thành viên, PVFCCo đã thu lại các quỹ, do đó tại thời điểm 31/12/2010 số dư các quỹ của PVFCCo SE là bằng 0.

**13.1.6. Tổng dư nợ vay**

Số dư tài khoản nợ vay ngắn hạn và vay dài hạn từ năm 2008 đến nay vẫn luôn bằng 0.

### 13.1.7. Tình hình công nợ hiện nay

Căn cứ vào báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2009 – 2011 và 6 tháng đầu năm 2012

➢ **Các khoản phải thu:**

*Đvt: Triệu đồng*

| Stt | Khoản mục | 31/12/2009 | 31/12/2010 | 31/12/2011 | 30/06/2012 |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Phải thu của khách hàng | 295 | 952 | 3.281 | 8.616 |
| 2 | Trả trước cho người bán | 534 | 15.467 | 6.138 | 1.829 |
| 3 | Phải thu nội bộ | - | 984 | - | - |
| 4 | Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | - | - | - | - |
| 5 | Các khoản phải thu khác | 150 | 3 | 8.789 | 11.845 |
| | **Tổng Cộng** | **978** | **17.406** | **18.208** | **22.290** |

*Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2009, 2010, 2011 và Báo cáo soát xét 6 tháng đầu năm 2012*

Với đặc thù hoạt động của doanh nghiệp phân phối phân bón là ứng tiền trước khi nhận hàng do vậy các khoản trả trước cho người bán chiếm tỷ lệ lớn trong tổng số nợ phải thu của Công ty.

➢ **Các khoản phải trả:**

*Đvt: triệu đồng*

| Stt | Khoản mục | 31/12/2009 | 31/12/2010 | 31/12/2011 | 30/06/2012 |
|---|---|---|---|---|---|
| **I.** | **Nợ ngắn hạn** | **9.719** | **24.331** | **56.159** | **127.387** |
| 1 | Phải trả người bán | 67 | 2.165 | 39.908 | 91.936 |
| 2 | Người mua trả tiền trước | 4.466 | 8.487 | 7.396 | 16.113 |
| 3 | Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 2.979 | 4.899 | 942 | 5.659 |
| 4 | Phải trả người lao động | 1.351 | 1.800 | 2.246 | 5.607 |
| 5 | Chi phí phải trả | 317 | - | - | 1.735 |
| 6 | Phải trả nội bộ | 211 | 6.173 | - | - |
| 7 | Các khoản phải trả, phải nộp khác | 180 | 65 | 3.465 | 2.535 |
| 8 | Quỹ khen thưởng và phúc lợi | 150 | 742 | 2.202 | 3.802 |
| **II.** | **Nợ dài hạn** | **1.513** | **2.254** | **220** | **176** |

| Stt | Khoản mục | 31/12/2009 | 31/12/2010 | 31/12/2011 | 30/06/2012 |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Phải trả dài hạn khác | 1.302 | 1.512 | 50 | 50 |
| 2 | Dự phòng trợ cấp mất việc làm | - | 237 | 170 | 126 |
| 3 | Doanh thu chưa thực hiện | 210 | 505 | - | - |
| | **Tổng Cộng** | **11.232** | **26.586** | **56.379** | **192.538** |

*Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2009, 2010, 2011 và Báo cáo soát xét 6 tháng đầu năm2012*

Đặc thù của ngành phân bón hiện nay là khách hàng ứng tiền trước khi nhận hàng do vậy khoản người mua trả tiền trước chiếm tỷ lệ lớn trong nợ phải trả của Công ty.

## 13.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

**Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu năm 2009, 2010, 2011 và 6 tháng đầu năm 2012**

| Stt | Khoản mục | Năm 2009 | Năm 2010 | Năm 2011 | 6 tháng đầu năm 2012 |
|---|---|---|---|---|---|
| **I.** | **Chỉ tiêu về khả năng thanh toán** | | | | |
| 1 | Hệ số thanh toán ngắn hạn | 11,54 | 5,26 | 2,88 | 1,96 |
| 2 | Hệ số thanh toán nhanh | 11,54 | 3,47 | 2,50 | 1,79 |
| **II.** | **Chỉ tiêu về cơ cấu vốn** | | | | |
| 1 | Hệ số nợ/Tổng tài sản | 0,10 | 0,19 | 0,29 | 0,45 |
| 2 | Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu | 0,11 | 0,23 | 0,40 | 0,82 |
| **III.** | **Chỉ tiêu về năng lực hoạt động** | | | | |
| 1 | Vòng quay hàng tồn kho | NA | 60,72 | 69,59 | 76,04 |
| 2 | Doanh thu thuần/ Tổng tài sản | 11,67 | 9,80 | 11,81 | 6,21 |
| **IV.** | **Chỉ tiêu về khả năng sinh lời** | | | | |
| 1 | Hệ số lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần | 1,24% | 2,21% | 1,19% | 1,57% |
| 2 | Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu | 16,09% | 26,69% | 19,79% | 17,74% |
| 3 | Hệ số lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản | 14,50% | 21,63% | 14,10% | 9,74% |
| 4 | Tỷ suất lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần | 1,49% | 2,92% | 1,60% | 2,09% |

| Stt | Khoản mục | Năm 2009 | Năm 2010 | Năm 2011 | 6 tháng đầu năm 2012 |
|---|---|---|---|---|---|
| 5 | Tỷ lệ cổ tức | - | - | 13,34% | 7% |

*Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2009, 2010, 2011 và Báo cáo soát xét 6 tháng đầu năm 2012*

Qua các chỉ số tài chính đã được tính như trên, có thể cho ta thấy bức tranh tổng quát về tình hình tài chính của PVFCCo SE như sau:

**Khả năng thanh toán:** Khả năng thanh toán của doanh nghiệp là một chỉ tiêu quan trọng phản ánh năng lực tài chính mà doanh nghiệp có được để đáp ứng nhu cầu thanh toán các khoản nợ. Các hệ số thanh toán ngắn hạn và thanh toán nhanh của PVFCCo SE được duy trì khá cao và lớn hơn 1, đảm bảo yêu cầu doanh nghiệp hoàn thành được nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn.

**Tình hình tài chính:** Với đặc thù là đơn vị chủ yếu phân phối phân Urê Đạm Phú Mỹ do Tổng Công ty cung cấp, hàng được lấy tại kho Tổng Công ty phân phối cho các đại lý sau khi đã trả tiền trước do vậy tình hình tài chính khá vững mạnh. Đồng thời các khoản công nợ khá thấp chiếm từ 10-30% tổng tài sản mà chủ yếu là công nợ với các nhà cung cấp, cho đến thời điểm hiện nay Công ty không có vay nợ ngân hàng.

Từ khi bắt đầu chuyển hình thức hoạt động sang Công ty cổ phần, PVFCCo SE đã dần xây dựng nền tảng vững chắc cho hoạt động kinh doanh của mình thông qua việc đầu tư mở rộng các chi nhánh kết hợp văn phòng và kho dự trữ. Tổng tài sản cố định, chủ yếu là quyền sử dụng đất chiếm 10,53% tổng tài sản Công ty.

**Hiệu quả hoạt động kinh doanh:** Với đặc thù là doanh nghiệp phân phối nên tỷ suất sinh lợi trên doanh thu chỉ đạt ở mức thấp, tỷ suất lệ lợi nhuận sau thuế trên doanh thu năm 2009, 2010, 2011 và 6 tháng đầu năm 2012 lần lượt: 1,24% ; 2,21% ; 1,19% ; và 1,57%. Mặc dù suất sinh lợi trên mỗi đồng doanh thu mang lại thấp nhưng hiệu quả mà Công ty mang lại trên mỗi đồng vốn đầu tư của chủ sở hữu là khá cao: tỷ suất sinh lợi trên vốn chủ năm 2009 ở mức 16,09%, năm 2010 là 26,69%. Hiệu quả mang lại trong năm 2009 và 2010 một phần nhờ Công ty vận hành tốt hoạt động thương mại của mình, quay vòng nhanh tài sản sở hữu một phần nhờ ưu thế là đơn vị thành viên của Tổng Công ty nên PVFCCo_SE được hỗ trợ của Tổng Công ty về hàng hóa và vốn trong quá trình hoạt động: Hầu hết các mặt hàng do Tổng Công ty sản xuất được nhận và giao hàng ngay tại các kho đầu mối của Tổng Công ty đầu tư trong vùng. Để đảm bảo lượng hàng cung cấp và chủ động trong kinh doanh, Công ty chủ yếu chỉ tồn kho lượng hàng nhập khẩu, thông thường thời gian tồn kho khoảng 30 ngày và có thể kéo dài 60 ngày tùy theo mùa vụ. Tuy nhiên, đến năm 2011, tỷ suất sinh lời trên vốn chủ đã bị giảm, cụ thể từ 26,69% năm 2010 giảm còn 19,79% năm 2011. Nguyên nhân là do trong năm 2011, Công ty đã chuyển hình thức hoạt động từ TNHH MTV sang Công ty cổ phần, đồng thời tăng vốn điều lệ từ 85 tỷ lên 125 tỷ đồng, tương đương tăng 47%. Tuy nhiên, chi phí bán hàng và quản lý tăng cao làm giảm lợi nhuận của Công ty. Do đó, hệ số LNDT/ VCSH cũng giảm đáng kể.

## 14. Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng, Ban Kiểm soát

### 14.1. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc:

**Danh sách Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc**

| Stt | Họ và tên | Chức vụ |
|---|---|---|
| 1 | Trịnh Văn Khiêm | Chủ tịch HĐQT |
| 2 | Dương Trí Hội | Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc |
| 3 | Nguyễn Ngọc Hiếu | Thành viên HĐQT |
| 4 | Đặng Hữu Thắng | Thành viên HĐQT |
| 5 | Lê Quang Thành | Thành viên HĐQT |
| 6 | Võ Ngọc Phương | Kế toán trưởng |
| 7 | Phạm Tuấn Sơn | Phó Giám đốc |
| 8 | Nguyễn Tiến Sỹ | Phó Giám đốc |

**a) Chủ tịch HĐQT – TRỊNH VĂN KHIÊM:**

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 21/02/1973
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Bách Thuận, Vũ Thư, Thái Bình
- Địa chỉ thường trú: 45/01 Lê Văn Huân, Phường 13, Q.Tân Bình, Tp.HCM
- Số điện thoại liên lạc: 0903 855 100
- Số CMND: 151117818 Nơi cấp: Công an tỉnh Thái Bình Ngày cấp: 25/01/2003
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân
- Quá trình công tác:

| Thời gian | Đơn vị công tác | Chức vụ |
|---|---|---|
| 08/1994 - 05/1996 | Công ty 489 Cục Quản lý Hành chính BTTM – Cơ quan Bộ Quốc Phòng | Chuyên viên |
| 06/1996 - 08/2000 | Công ty 489 Cục Quản lý Hành chính BTTM – Cơ quan Bộ Quốc Phòng | Trợ lý Giám đốc |
| 09/2000 - 11/2001 | Công ty Chế biến và Kinh doanh các sản phẩm Khí, Vũng Tàu | Chuyên viên KD |
| 12/2001 - 07/2006 | Công ty Kinh doanh Khí hóa lỏng miền Nam – Tp.HCM | Chuyên viên KD |
| 08/2006 - 05/2007 | Công ty Kinh doanh Khí hóa lỏng miền Nam – Tp.HCM | Phó trưởng phòng KD |
| 06/2007 - 07/2007 | Công ty Kinh doanh Khí hóa lỏng miền Nam – Tp.HCM | Trưởng phòng KD |
| 08/2007 - 06/2008 | Công ty cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng miền Nam – Tp.HCM | Phó Tổng Giám đốc |
| 07/2008 - 08/2008 | Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí – Công ty Cổ phần | Thành viên tổ chuyển đổi doanh nghiệp |
| 09/2008 - 12/2010 | Công ty TNHH MTV Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ | Giám đốc |
| 01/2011 | Công ty TNHH Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ | Giám đốc |
| 02/2011 | Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ | Giám đốc |
| 03/2011-Nay | Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ | Chủ tịch HĐQT |

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
  + Sở hữu cá nhân: 20.000 cổ phần
  + Sở hữu đại diện cho
    Tổng Công ty Phân Bón và Hóa chất Dầu Khí: 3.750.000 cổ phần
  + Những người có liên quan: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không

**b) Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc - DƯƠNG TRÍ HỘI**

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 18/04/1978
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Xã Thạch Hội, Huyện Thạch Hà, Tỉnh Hà Tĩnh
- Địa chỉ thường trú: C09-07 Hoàng Anh River View, P.Thảo Điền, Quận 2, TP.HCM
- Số điện thoại liên lạc: 0989 036 569
- Số CMND: 025598298 Nơi cấp: Công an TP. Hồ Chí Minh Ngày cấp: 09/02/2012
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Điện Công nghiệp, Cử nhân Kinh tế Kế hoạch - Đầu tư
- Quá trình công tác:

| Thời gian | Đơn vị công tác | Chức vụ |
|---|---|---|
| 12/2002 – 07/2004 | Công ty CP Tư vấn Đầu tư và Thiết kế Dầu khí | Chuyên viên |
| 08/2004 – 02/2006 | Công ty CP Tư vấn Đầu tư và Thiết kế Dầu khí | Trợ lý Giám đốc kiêm Thư ký Ban Dự án PVE/BDA PM3-CM |
| 03/2006 – 12/2006 | Công ty CP Tư vấn Đầu tư và Thiết kế Dầu khí | Phó giám đốc Ban Dự án PVE/BDA PM3-CM |
| 01/2007 – 12/2007 | Công ty Phân Đạm và Hóa chất Dầu khí | Trợ lý Tổng Giám đốc; Trưởng phòng |

| Thời gian | Đơn vị công tác | Chức vụ |
|---|---|---|
| | | Tiếp thị |
| 01/2008 – 08/2008 | Xí nghiệp Kinh doanh Phân bón Miền Trung – Tây Nguyên | Giám đốc |
| 09/2008 – 12/2010 | Công ty TNHH MTV Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung | Giám đốc |
| 01/2011 – 02/2011 | Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung | Giám đốc |
| 03/2011 – Nay | Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ | Giám đốc, Thành viên HĐQT |

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
  - Sở hữu cá nhân: 10.000 cổ phần
  - Sở hữu đại diện cho

    Tổng Công ty Phân Bón và Hóa chất Dầu Khí: 2.500.000 cổ phần
  - Những người có liên quan: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không

**c) Thành viên HĐQT – NGUYỄN NGỌC HIẾU:**

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 08/08/1978
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Bình Định
- Địa chỉ thường trú: Số nhà 25 Quách Văn Tuấn, P.12, Q.Tân Bình, Tp.HCM
- Số điện thoại liên lạc: 090 973 4868
- Số CMND: 025539123 Nơi cấp: Công an Tp.HCM Ngày cấp: 30/09/2011
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế ngành Kế toán – Kiểm toán
- Quá trình công tác:

| Thời gian | Đơn vị công tác | Chức vụ |
|---|---|---|
| 09-2002 – 06/2004 | Công ty Phân bón Miền Nam | Kế toán tổng hợp |
| 06/2004 – 06/2006 | Công ty CP Dịch vụ - Du lịch Dầu khí (nay là Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí | Chuyên viên phòng Tài chính – Kế toán |
| 06/2006 – 07/2008 | NM sản xuất Bình khí PetroVietnam trực thuộc Công ty Dịch vụ Du lịch Dầu khí, nay trực thuộc Tổng Công ty Khí Việt Nam | Kế toán trưởng |
| 08/2008 – 08/2010 | Ban Tài chính – Kế toán và kiểm toán, Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí | Chuyên viên |
| 08/2010 – 09/2011 | Phòng tài chính ERP, Ban quản lý dự án ERP. Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí | Trưởng phòng |
| 09/2011 – nay | Ban Kiểm toán nội bộ, Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí | Phó trưởng ban |
| 03/2012 – nay | Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ | Ủy viên HĐQT (không chuyên trách) |

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
  + Sở hữu cá nhân: Không
  + Sở hữu đại diện cho

    Tổng Công ty Phân Bón và Hóa chất Dầu Khí - CTCP: 1.562.500 cổ phần
  + Những người có liên quan: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không

**d) Thành viên HĐQT - ĐẶNG HỮU THẮNG:**

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 15/07/1977
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Nghệ An
- Địa chỉ thường trú: Tổ 1D, KP1, P. Hiệp Thành, Q. 12, Tp. HCM
- Số điện thoại liên lạc: 091 415 1149
- Số CMND: 025224418 Nơi cấp: Công an Tp. HCM Ngày cấp: 29/01/2010

- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ nông học, Kỹ sư trồng trọt
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức niêm yết: Ủy viên HĐQT (kiêm nhiệm)
- Quá trình công tác:

| Thời gian | Đơn vị công tác | Chức vụ |
|---|---|---|
| 01/2001 – 12/2003 | Khoa Nông học, trường Đại học Nông Lâm Huế | Giảng viên |
| 12/2003 – 12/2006 | Công ty Sản xuất và cung cấp Phân bón Thiên Minh VN | Chuyên viên tư vấn kỹ thuật và kinh doanh |
| 12/2006 – 10/2007 | Công ty Giám định Control Union VN | Chuyên viên |
| 10/2007 – 08/2010 | Ban tiếp thị, truyền thông – Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí | Chuyên viên |
| 08/2010 – 03/2012 | Phòng Dịch vụ Kỹ thuật, Ban phân bón, Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí | Phó trưởng phòng |
| 03/2012 – nay | Ban phân bón – Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí | Phó trưởng Ban |
| 03/2012 – nay | Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ | Ủy viên HĐQT(không chuyên trách) |

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
  + Sở hữu cá nhân: Không
  + Sở hữu đại diện cho

    Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP: 1.562.500 cổ phần
  + Những người có liên quan: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không

**e) Thành viên HĐQT - LÊ QUANG THÀNH:**

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 20/12/1950
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Tp. Hồ Chí Minh

- Địa chỉ thường trú: 126 Nguyễn Văn Trỗi, Phường 2, Tp.Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp
- Số điện thoại liên lạc: 0903 834 276
- Số CMND: 341181819 Nơi cấp: Công an Đồng Tháp Ngày cấp: 28/09/2009
- Trình độ văn hoá: 10/10
- Trình độ chuyên môn:
- Quá trình công tác:

| Thời gian | Đơn vị công tác | Chức vụ |
|---|---|---|
| 1967 - 1975 | Buôn bán | |
| 1976 - 1996 | Công ty XNK Đồng Tháp | Phó phòng hành chính |
| 1997 - 2000 | Công ty phát triển nhà Đồng Tháp | Trưởng phòng kinh doanh |
| 2001 đến nay | Công ty TNHH TMDV Hoa Anh Đào | Giám đốc |
| 3/2011- nay | Công ty cổ phần Phân bón và Hoá chất Dầu khí Đông Nam Bộ | Ủy viên HĐQT (không chuyên trách) |

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Giám đốc công ty TNHH TMDV Hoa Anh Đào
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
  + Sở hữu cá nhân: Không
  + Sở hữu đại diện: Không
  + Những người có liên quan: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không

**f) Phó Giám đốc – PHẠM TUẤN SƠN:**

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 23/10/1981
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Thái Phúc, Thái Thụy, Thái Bình
- Địa chỉ thường trú: Nhà W2-10, Chung cư 4S, đường 17 Kha Vạn Cân, P. Hiệp Bình Chánh, Thủ Đức, TP. HCM
- Số điện thoại liên lạc: 0982 060 820

- Số CMND: 273088803 Nơi cấp: Bà Rịa – Vũng Tàu Ngày cấp: 07/08/1997
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản lý Công nghiệp.
- Quá trình công tác:

| Thời gian | Đơn vị công tác | Chức vụ |
|---|---|---|
| 11/2006 - 7/2008 | Tổng Công ty Khí Việt Nam | Chuyên viên |
| 7/2008 - 07/2009 | Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí | Trợ lý Tổng Giám đốc |
| 08/2009 - 08/2010 | Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí | Phó ban Tiếp thị truyền thông |
| 09/2010 - 02/2011 | Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí | Phó ban Phân bón |
| 03/2011 - Nay | Công ty CP Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ | Phó Giám đốc |

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
  + Sở hữu cá nhân: 8.700 cổ phần
  + Sở hữu đại diện: Không
  + Những người có liên quan: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không

**g) Phó Giám đốc – NGUYỄN TIẾN SỸ:**

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 10/12/1967
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Xã Sơn Thịnh, Huyện Hương Sơn, Tỉnh Hà Tĩnh
- Địa chỉ thường trú: Căn hộ 12, lầu 8, Chung cư Cửu Long, P.13, Quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh
- Số điện thoại liên lạc: 0907135755
- Số CMND: 023747751 Nơi cấp: Công an Tp.HCM Ngày cấp: 26/10/1999
- Trình độ văn hoá: 12/12

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác:

| Thời gian | Đơn vị công tác | Chức vụ |
|---|---|---|
| 09/1992 - 06/1994 | Công ty Bảo Việt Nghệ An | Khai thác viên |
| 08/1994 - 03/1996 | Bảo hiểm Y Tế Dầu khí – CN Tp. HCM | Giám định viên |
| 03/1996 - 09/1997 | Công ty Bảo hiểm Dầu khí (PVI ) – CN Tp. HCM | Cán bộ khai thác |
| 10/1997 - 10/2000 | Công ty Bảo hiểm Dầu khí (PVI ) – CN Tp. HCM | Phụ trách Khai thác, Giám định Bảo hiểm Y tế |
| 10/2000 – 03/2004 | Công ty Bảo hiểm Dầu khí (PVI ) – CN Tp. HCM | Trưởng phòng TCHC |
| 04/2004 – 05/2006 | Công ty Phân đạm và Hóa chất Dầu khí (PVFCCo) | Chuyên viên |
| 06/2006 – 10/2007 | Công ty Phân Đạm và Hóa chất Dầu khí | Phó phòng Hành chính Quản trị |
| 11/2007 – 08/2008 | Xí nghiệp kinh doanh phân bón và hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ - Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí ( PVFCCo) | Phó Giám đốc |
| 09/2008 – 12/2010 | Công ty TNHH MTV Phân bón và & Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ | Phó Giám đốc |
| 12/2010 - 01/2011 | Công ty TNHH Phân bón và & Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ | Phó Giám đốc |
| 02/2011 - Nay | Công ty Cổ phần Phân bón và & Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ | Phó Giám đốc |

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
  - Sở hữu cá nhân: 28.000 cổ phần
  - Sở hữu đại diện: Không
  - Những người có liên quan: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không

### 14.2. Kế Toán Trưởng – VÕ NGỌC PHƯƠNG

- Giới tính: Nam

- Ngày sinh: 10/11/1978
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Bến Tre
- Địa chỉ thường trú: Số nhà 325/6/3 Đất Mới, Q. Bình Tân, TP HCM
- Số điện thoại liên lạc: 090 300 4737
- Số CMND: 025020951 Nơi cấp: Công an Tp.HCM Ngày cấp: 08/09/2008
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế ngành Tài chính doanh nghiệp
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức niêm yết: Kế toán trưởng
- Quá trình công tác:

| Thời gian | Đơn vị công tác | Chức vụ |
|---|---|---|
| 08/2002 - 09/2003 | Công ty TNHH Sản xuất – Thương mại thép Chánh Nguyên | Chuyên viên kinh doanh |
| 10/2003 – 11/2004 | Trung tâm thể dục – thể thao Quận 10, TP. HCM | Chuyên viên kế toán |
| 12/2004 – 08/2005 | Công ty Phân đạm và Hóa chất Dầu khí (nay là Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí) | Chuyên viên kế toán |
| 09/2005 – 08/2008 | Chi nhánh Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí tại Cần Thơ | Phụ trách kế toán, Kế toán trưởng |
| 09/2008 – 07/2010 | Công ty TNHH MTV Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ, Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí | Kế toán trưởng |
| 08/2010 – 03/2012 | Công ty TNHH Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ | Phó giám đốc |
| 03/2012 – nay | Công ty TNHH Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ | Kế toán trưởng |

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
  - Sở hữu cá nhân: không
  - Sở hữu đại diện: không
  - Những người có liên quan: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

### 14.3. Thành viên Ban kiểm soát

| Stt | Họ và tên | Chức vụ |
|---|---|---|
| 1 | Phạm Hoài Hương | Trưởng Ban kiểm soát |
| 2 | Nguyễn Thị Kim Anh | Thành viên Ban kiểm soát |
| 3 | Phạm Thành Long | Thành viên Ban kiểm soát |

**a) Trưởng Ban kiểm soát – PHẠM HOÀI HƯƠNG:**

- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 04/04/1976
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Trùng Khánh – Gia Lộc – Hải Dương
- Địa chỉ thường trú: A11 Lô A, CC Bộ Công An, P.Bình An, Q.2, Tp.HCM
- Số điện thoại liên lạc: 0918 481 665
- Số CMND: 024792971 Nơi cấp: Công an Tp.HCM Ngày cấp: 25/02/2008
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế.
- Quá trình công tác:

| Thời gian | Đơn vị công tác | Chức vụ |
|---|---|---|
| 01/2000 - 12/2001 | Phòng Tài vụ - Công ty Dụng cụ Cắt & Đo lường Cơ khí –TP.Hà Nội | Kế toán viên |
| 01/2002 – 03/2004 | Phòng kế hoạch - Ban Quản lý Dự Án Nhà máy Đạm Phú Mỹ | Chuyên viên kế hoạch, |
| 04/2004 – 08/2008 | Ban Tài chính Kế toán - Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí – Công ty CP | Chuyên viên kế toán |
| 08/2008 – 01/2011 | Ban Tài chính Kế toán - Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí – Công ty CP<br>Công ty TNHH MTV Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ. | Chuyên viên Ban Tài chính kế toán Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí kiêm nhiệm Kiểm soát viên Công ty TNHH MTV Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ |
| 02/2011 - Nay | Ban Kiểm toán Nội bộ - Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí – CTCP | Chuyên viên |

| Thời gian | Đơn vị công tác | Chức vụ |
|---|---|---|
| | Công ty CP Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ. | Kiêm nhiệm Trưởng Ban Kiểm Soát |

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
  + Sở hữu cá nhân: 11.700 cổ phần
  + Sở hữu đại diện: Không
  + Những người có liên quan: 1.000 cổ phần

| STT | HỌ VÀ TÊN | Mối quan hệ | Số cổ phần sở hữu |
|---|---|---|---|
| 1 | Ông Lê Quốc Hưng | Chồng | 1.000 |

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không

**b) Thành viên Ban kiểm soát – NGUYỄN THỊ KIM ANH:**

- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 25/07/1975
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Thạch Thất – Hà Nội
- Địa chỉ thường trú: Số 10 Đường số 5, Cư xá Chu Văn An, P26, Q.Bình Thạnh, TP.HCM
- Số điện thoại liên lạc: 0983 270 299
- Số CMND: 025358316 Nơi cấp: Công an TP.HCM Ngày cấp: 23/08/2010
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán; Cử nhân Tài chính – Ngân hàng
- Quá trình công tác:

| Thời gian | Đơn vị công tác | Chức vụ |
|---|---|---|
| 1996 - 1999 | Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí VN | Chuyên viên Kế toán |
| 1999 - 2005 | Công ty CP Xây lắp Dầu khí | Chuyên viên Kế toán |

| | | |
|---|---|---|
| 2005 - 2009 | Công ty Tài chính CP Dầu khí VN – Chi nhánh Vũng Tàu | Phó phòng Kế toán |
| 2007 - 2009 | Công ty Tài chính CP Dầu khí VN – Chi nhánh Sài Gòn | Phó phòng giao dịch Trung tâm Sài Gòn |
| 2009 – 02/2011 | Công ty CP Phân bón & Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ | Chuyên viên Kế toán |
| 02/2011- nay | Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP | Chuyên viên Ban Kiểm toán nội bộ |
| | Công ty CP Phân bón & Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ | Thành viên BKS |

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
  - Sở hữu cá nhân: 11.670 cổ phần
  - Sở hữu đại diện: Không
  - Những người có liên quan: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không

**c) Thành viên Ban kiểm soát – PHẠM THÀNH LONG:**

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 22/09/1976
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Thái Thuần, Thái Thụy, Thái Bình.
- Địa chỉ thường trú: 305, H4, CC Chu Văn An, P.26, Q. Bình Thạnh, Tp.HCM.
- Số điện thoại liên lạc: 0936 636 986
- Số CMND: 0309449941 Nơi cấp: Công an Hải Phòng Ngày cấp: 27/03/2009
- Trình độ văn hoá: Đại học
- Trình độ chuyên môn: Kế toán
- Quá trình công tác:

| Thời gian | Đơn vị công tác | Chức vụ |
|---|---|---|
| 20/11/2003 – 15/04/2004 | Công ty TNHH Sao Vàng - Nhà máy giày STELLA | Nhân viên |

| Thời gian | Đơn vị công tác | Chức vụ |
|---|---|---|
| 15/04/2004 – 01/03/2006 | Công ty TNHH Sao Vàng - Nhà máy giày STELLA | Trưởng phòng |
| 01/03/2006 – 01/09/2006 | Công ty TNHH Đỉnh Vàng - Nhà máy giày Liên Dinh | Trợ lý Giám đốc |
| 01/09/2006 – 01/08/2007 | Công ty TNHH Sao Vàng - Nhà máy giày STELLA | Trợ lý Giám đốc |
| 01/08/2007 – 15/05/2008 | Công ty Phân đạm và Hóa chất dầu khí | Chuyên viên |
| 15/05/2008 - Nay | Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí – Công ty Cổ phần | Chuyên viên |
| 2/2011- Nay | Công ty Cổ phần Phân bón và Hoá chất Dầu Khí Đông Nam Bộ | Thành viên ban kiểm soát |

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Chuyên viên văn phòng Tổng Công ty Phân bón và Hoá chất Dầu Khí- Công ty cổ phần
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
  + Sở hữu cá nhân: Không
  + Sở hữu đại diện: Không
  + Những người có liên quan: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không

**15. Tài sản**

Giá trị tài sản cố định theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty năm 2009, 2010, 2011 và tại thời điểm 30/06/2012 như sau:

***Giá trị TSCĐ tại thời điểm 31/12/2009, 30/12/2010, 31/12/2011 và 30/06/2012***

*Đvt: Triệu đồng*

| Stt | Khoản mục | 31/12/2009 | | 31/12/2010 | | 31/12/2011 | | *30/06/2012* | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Nguyên giá | Giá trị còn lại | Nguyên giá | Giá trị còn lại | Nguyên giá | Giá trị còn lại | Nguyên giá | Giá trị còn lại |
| 1 | Nhà cửa, vật kiến trúc | - | - | 4.239 | 4.226 | 16.734 | 16.103 | 16.734 | 15.271 |
| 2 | Phương tiện vận tải | - | - | 1.906 | 1.742 | 1.906 | 1.425 | 1.906 | 1.268 |
| 3 | Máy móc, thiết bị | - | - | - | - | - | - | - | - |
| 4 | Thiết bị dụng cụ quản lý | 2.058 | 1.140 | 2.405 | 1.585 | 2.801 | 1.157 | 3.273 | 1.263 |
| 5 | Tài sản cố định khác | - | - | - | - | - | - | - | - |

| Stt | Khoản mục | 31/12/2009 | | 31/12/2010 | | 31/12/2011 | | *30/06/2012* | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Nguyên giá | Giá trị còn lại | Nguyên giá | Giá trị còn lại | Nguyên giá | Giá trị còn lại | Nguyên giá | Giá trị còn lại |
| 6 | Tài sản cố định vô hình | 55 | 33 | 3.455 | 3.418 | 14.418 | 14.210 | 14.418 | 13.985 |
| | **Tổng cộng** | **2.113** | **1.173** | **12.005** | **10.971** | **35.859** | **32.895** | **36.331** | **31.787** |

*Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2009, 2010, 2011 và Báo cáo soát xét 6 tháng đầu năm 2012*

➢ **CHI TIẾT VỀ TÀI SẢN LÀ ĐẤT ĐAI VÀ BẤT ĐỘNG SẢN**

| STT | Tên Tài sản | Diện tích ($m^2$) | Mục đích sử dụng | Tình trạng sở hữu |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Quyền sử dụng đất tại xã Hòa Ninh, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng | 1.806m2 | Văn phòng Chi nhánh Lâm Đồng và kho chứa hàng | Quyền sử dụng đất |
| 2 | Quyền sử dụng đất tại xã Bảo Hòa, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai | 15.000m2 | Văn phòng Chi Nhánh Đồng Nai | Quyền sử dụng đất |
| 3 | 27 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 24, Bình Thạnh, HCM | | Văn phòng Công ty | Thuê |
| 5 | Ấp Long Yên, Xã Long Thành Nam, Huyện Hòa Thành, Tỉnh Tây Ninh | 1.188 $m^2$ | Văn phòng Chi nhánh Tây Ninh | Đất thuê trả tiền hàng năm |
| 6 | Ấp 1, Xã Đồng Tiến, Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước | 220 $m^2$ | Văn phòng Chi nhánh Bình Phước | Đất thuê trả tiền hàng năm |
| 7 | Lô A2.1 – A2.3 KCN Chơn Thành,Bình Phước | | Kho Animex- Bình Phước | Thuê theo tấn, tối đa 6.000 tấn/năm |

## 16. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức dự kiến đạt được trong các năm tiếp theo

### 16.1. Kế hoạch kinh doanh của Công ty giai đoạn 2012 – 2015

**Mục tiêu:**

Trên chặng đường sắp tới, PVFCCo SE xác định mục tiêu là xây dựng và phát triển thương hiệu PVFCCo SE thành một thương hiệu mạnh và có uy tín trên thị trường kinh doanh phân bón, hóa chất. Và đồng thời Vận hành linh hoạt, hiệu quả hoạt động kinh doanh đảm bảo tối ưu hóa lợi ích cho các cổ đông. Cụ thể:

- Phát triển PVFCCo SE trở thành doanh nghiệp phân phối mạnh, hàng đầu tại khu vực Đông Nam Bộ về kinh doanh phân bón.
- Phát triển kinh doanh một số hóa chất phục vụ ngành công nghiệp dầu khí và nông nghiệp nhằm tăng sản lượng, chất lượng và thị phần trong giai đoạn phát triển tiếp theo sau khi cổ phần hóa.

**Chiến lược phát triển Công ty:**

- Cung cấp các sản phẩm phân bón và hóa chất đảm bảo chất lượng, ổn định, hiệu quả cho khách hàng tại khu vực Đông Nam Bộ, từng bước chiếm lĩnh thị trường phân bón trong khu vực, đặc biệt nâng thị phần phân bón chủ lực là Urê và NPK.
- Đầu tư mở rộng hệ thống kênh phân phối, kho chứa rộng khắp các vùng, cây trọng điểm hướng đến tạo dựng được hệ thống phân phối chuyên nghiệp góp phần cung cấp kịp thời, ổn định, đảm bảo chất lượng với giá cả hợp lý đến người tiêu dùng.
- Chú trọng phát triển các giải pháp sử dụng phân bón hiệu quả và an toàn với môi trường trên cơ sở kết hợp chặt chẽ mối quan hệ giữa bốn nhà (nhà quản lý, nhà doanh nghiệp, nhà khoa học, nhà nông) để giúp người nông dân (là những khách hàng quan trọng của Công ty) ngày càng nâng cao hiệu quả sản xuất nông nghiệp so với việc sử dụng phân bón của các nhà cung cấp khác.
- Kiện toàn bộ máy quản lý hướng đến cơ cấu gọn nhẹ, quản lý chặt chẽ và linh hoạt, phát triển đội ngũ nhân viên vững mạnh không ngừng nâng cao kiến thức, kỹ năng cho người lao động trong Công ty. Đặc biệt phát triển mạnh lực lượng bán hàng bám sát thị trường qua đó thấu hiểu nhu cầu khách hàng và gắn bó lâu dài với người nông dân, khách hàng.
- Xây dựng cơ chế kinh doanh linh hoạt hướng đến thỏa mãn tối đa nhu cầu khách hàng dựa trên việc sử dụng nguồn lực hiệu quả và cơ cấu tài chính hợp lý nhằm tiết kiệm chi phí và tối đa hóa lợi nhuận trong kinh doanh, từng bước nâng cao uy tín và thương hiệu PVFCCo SE nói riêng và PVFCCo nói chung.
- Xây dựng và khai thác mô hình vườn ươm thực nghiệm, sản xuất và kinh doanh thử nghiệm phân bón hữu cơ, vi sinh.
- Duy trì có hiệu quả hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008.

**Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức dự kiến:**

Căn cứ quy hoạch phát triển hệ thống sản xuất và hệ thống phân phối mặt hàng phân bón giai đoạn 2010-2020, có xét đến năm 2025 của Bộ Công Thương và nhu cầu thị trường phân bón cả nước và khu vực Đông Nam Bộ trong giai đoạn 2012-2015. Căn cứ mục tiêu phát triển thị trường phân bón của Công ty mà chủ yếu là đối với hai mặt hàng chủ lực là phân Urê và NPK (chiếm tỷ trọng trên 90% doanh thu toàn Công ty) cụ thể: nâng thị phần về phân Urê trong khu vực từ 50% lên 65% tương ứng tiêu thụ từ 170.000 tấn Urê/năm 2011 kế hoạch tăng lên 260.000 tấn Urê/năm 2015; nâng thị phần phân NPK từ 2,45% lên 18% đến năm 2015. PVFCCo SE đặt cho mình kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức dự kiến các năm như sau:

*Đvt: Triệu đồng*

| Chỉ tiêu | Năm kế hoạch | | | | Bình Quân Kế hoạch |
|---|---|---|---|---|---|
| | 2012 | 2013 | 2014 | 2015 | |
| Vốn điều lệ | 125.000 | 125.000 | 125.000 | 125.000 | 125.000 |
| Doanh thu thuần (DTT) | 1.700.890 | 2.063.589 | 2.332.884 | 2.504.975 | 2.150.584 |
| Lợi nhuận trước thuế (LNTT) | 30.136 | 32.307 | 34.593 | 36.760 | 33.449 |
| Tỷ lệ LNTT/DTT | 1,77% | 1,57% | 1,48% | 1,47% | 1,57% |
| Tỷ lệ LNTT/VĐL | 24,11% | 25,85% | 27,67% | 29,41% | 26,76% |
| Tỷ lệ cổ tức/Mệnh giá | 12,66% | 13,57% | 14,53% | 15,44% | 14,05% |

Tổng nhu cầu phân Urê của cả nước ước khoảng 1,6 triệu tấn/năm, trong đó nhà máy Đạm Phú Mỹ cung cấp 700.000-800.000 tấn/năm, nhà máy đạm Hà Bắc cung cấp 180.000-190.000 tấn/năm, phải nhập khẩu khoảng 740.000 tấn/năm. Theo kế hoạch giai đoạn 2012-2015 nhà máy đạm Cà Mau, nhà máy đạm Ninh Bình và mở rộng nhà máy đạm Hà Bắc nâng công suất sản xuất phân đạm cả nước lên 2.660.000 tấn/năm, vượt nhu cầu trong nước sẽ dẫn đến cạnh tranh ngày càng cao. Trước áp lực cạnh tranh sẽ làm cho biên lợi nhuận trên doanh thu của Công ty giảm và đồng thời đòi hỏi sự năng động Ban Lãnh đạo trong quá trình vận hành phát triển hệ thống phân phối hiệu quả, tiết kiệm chi phí nhằm mang lợi nhuận tối ưu cho Cổ đông của PVFCCo SE. Công ty nỗ lực duy trì hiệu quả hoạt động trên vốn ở mức từ 20% đến 30% năm, tỷ lệ cổ tức bình quân các năm tới đạt trên 14% năm.

**16.2. Kế hoạch đầu tư:**

Với mục tiêu đầu tư mở rộng hệ thống phân phối, Công ty dự kiến đầu tư mở rộng thêm 3 chi nhánh kết hợp kho với sức chứa từ 2.500 tấn đến 5.000 tấn, với tổng giá trị đầu tư dự kiến từ 10 tỷ/kho 2.500T và 25 tỷ đồng/ kho 5.000 tấn.

## 16.3. Biện pháp thực hiện

### 1. Giải pháp phát triển thị trường

❖ *Về sản phẩm/dịch vụ*

- Phát triển đa dạng hóa các sản phẩm dịch vụ đáp ứng nhu cầu trồng trọt tại khu vực, nghiên cứu các giải pháp canh tác đồng bộ, hiệu quả cho cây chè, cafe, điều, hoa màu, và cây công nghiệp hàng năm.
- Đảm bảo chất lượng sản phẩm/ dịch vụ đến tận tay người sử dụng theo phương châm ‘‘Tận tâm, Tận tụy, Tận tay”

❖ *Về kênh phân phối*

- Phát triển hiệu quả kênh phân phối hiện tại và hướng đến mở rộng kênh phân phối theo mô hình sau:

*Hình 3 : Mô hình kênh phân phối*

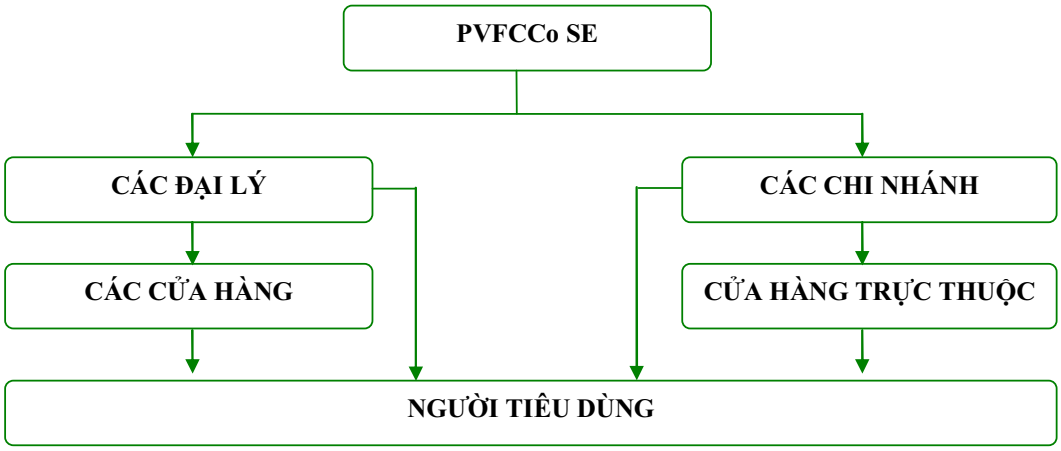


- Thực hiện rà soát, sàng lọc hệ thống đại lý/cửa hàng, từng bước hoàn thiện hệ thống phân phối chuyên nghiệp, tiện lợi cho người tiêu dùng và hạn chế xảy ra các xung đột trong kênh;
- Xây dựng các cửa hàng phân bón và hóa chất dầu khí khu vực nhằm bám sát thị trường, hỗ trợ đại lý, cửa hàng, người tiêu dùng;
- Tăng cường đầu tư lực lượng bán hàng, nâng cao kỹ năng đội ngũ bán hàng và kết hợp với các đại lý/ cửa hàng xây dựng cơ sở dữ liệu về vùng thị trường, khách hàng nhằm bám sát thị trường từng bước nâng cao uy tín của PVFCCo SE trên thị trường và thực hiện tốt nhiệm vụ kiểm soát giá thị trường được giao.

- Kết hợp chặt chẽ với các đại lý, cửa hàng nắm bắt thông tin về thị trường, quản lý chặt chẽ công nợ và hàng tồn kho giúp đảm bảo phân bổ lượng hàng theo đúng nhu cầu của thời vụ với chất lượng đảm bảo.

❖ *Về giá bán*

- Xây dựng chính sách bán hàng, chiết khấu phù hợp và có chế độ thưởng phạt thích hợp nhằm khuyến khích các đại lý tham gia phát triển thị trường.
- Tăng cường phối hợp với các công ty vùng miền thuộc Tổng công ty nhằm thống nhất các chính sách bán hàng giảm thiểu rủi ro cạnh tranh trong ngành.

**2. Xây dựng hình ảnh, thương hiệu Công ty**

- Phối hợp chặt chẽ với Tổng Công ty triển khai nâng cao hình ảnh Công ty trên thị trường, tập trung vào vùng, cây, khách hàng trọng điểm.
- Hoàn thành bộ hướng dẫn sử dụng phân bón hiệu quả, an toàn với môi trường cho những vùng/cây trọng điểm trong khu vực (lúa, café, cao su, điều,..).
- Xây dựng website Công ty cập nhập thông tin, nội dung nhanh chóng, thân thiện nhằm tạo phương tiện trao đổi thông tin hai chiều với khách hàng, người dân.
- Triển khai quảng bá thương hiệu qua các phương tiện thông tin đại chúng, các hội thảo chuyên đề, hội thảo khách hàng, các mô hình trình diễn, trách nhiệm xã hội, ….

**3. Giải pháp về vốn và hiệu quả tài chính**

- Hoạch định ngân sách vốn đầu tư cho ngắn hạn, trung hạn và dài hạn nhằm chủ động về tài chính và hiệu quả đầu tư.
- Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, vận dụng linh hoạt nguồn vốn từ các tổ chức tài chính trung gian và từ nội bộ nhằm đáp ứng nhu cầu vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

**4. Giải pháp phát triển nguồn nhân lực**

❖ *Hệ thống quản lý*

- Xây dựng bộ máy chuyên nghiệp để hỗ trợ Ban lãnh đạo PVFCCo SE đưa ra các quyết định kinh doanh nhanh và chính xác đồng thời hỗ trợ các đơn vị trực thuộc.
- Duy trì có hiệu quả hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008.
- PVFCCo SE áp dụng phương pháp quản lý tập trung, chuyên môn hóa và thể chế hóa, quan tâm tới hiệu quả tổng thể, sự phối hợp, hiệp tác dọc và ngang, cụ thể :

- Phân cấp/ủy quyền thích hợp cho các chi nhánh, phòng ban kịp thời ra các quyết định đáp ứng yêu cầu thị trường.
- Hệ thống thông tin quản lý, cập nhật và chia sẻ kịp thời cho các đơn vị.
- Kết hợp quản lý theo chức năng và xuyên chức năng với tổ chức, thực hiện các dự án liên phòng ban, đơn vị nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh và thực hiện chiến lược của Công ty.

❖ *Phát triển nguồn nhân lực*

- Kiện toàn bộ máy nhân sự, nhiệm vụ chức năng của các phòng/ban/đội/chi nhánh, đảm bảo hoạt động kinh doanh ổn định và hiệu quả.
- Tìm kiếm và tuyển dụng nguồn nhân lực có chất lượng và kinh nghiệm, đảm bảo có những ưu đãi và chế độ hợp lý nhằm thu hút người lao động có tay nghề và chuyên môn cao vào làm việc tại Công ty.
- Phân công công việc theo hướng tận dụng tối đa và hợp lý kỹ năng và năng lực chuyên môn của người lao động, bảo đảm người lao động được làm việc và phát triển toàn diện, phù hợp chức năng và khả năng của từng người.
- Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc và bám sát chất lượng thực hiện nhiệm vụ của người lao động để có những biện pháp điều chỉnh kịp thời sao cho chất lượng công việc được đảm bảo.
- Tạo động lực làm việc cho người lao động bằng các biện pháp khuyến khích thông qua việc ghi nhận, khen thưởng và có các hình thức phạt công bằng, hợp lý trên cơ sở những tiêu chí đánh giá cụ thể phù hợp với điều kiện kinh doanh và phát triển của Công ty tại từng thời điểm.
- Tăng cường công tác đào tạo cho cán bộ công nhân viên trong công ty phù hợp với yêu cầu đặt ra của công việc nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, hiệu suất làm việc cho người lao động.

**5. Giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh**

- Tăng cường công tác dự báo và xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh, đặc biệt đối với các mặt hàng tự doanh.
- Chuẩn bị nguồn hàng tự doanh đảm bảo nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, đảm bảo chất lượng, ổn định, và giá cả hợp lý.
- Xây dựng kênh thông tin đảm bảo việc thu thập, xử lý các thông tin phải kịp thời, chính xác giúp lãnh đạo Công ty đưa ra các quyết định kinh doanh phù hợp, hiệu quả.

- Xây dựng, phát triển, và kiểm soát tốt hệ thống kênh phân phối.
- Nâng cao chất lượng, số lượng nhân viên bán hàng/cán bộ thị trường.

**6. Thực hành công tác tiết kiệm, chống lãng phí**

- Tiến hành kiểm tra, rà soát diện tích trụ sở làm việc, kho bãi thuộc Công ty đang quản lý để bố trí sắp xếp, sử dụng hợp lý đúng công năng, mục đích nhằm phát huy tối đa hiệu quả.
- Thực hiện chặt chẽ các khoản Quản lý chi phí vốn, tài sản Công ty.
- Thực hiện nghiêm Thông tư số 98/2006/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn trách nhiệm bồi thường vật chất và xử lý kỷ luật đối với cán bộ công nhân viên khi gây thiệt hại tiền của, tài sản của Nhà nước theo quy định của pháp luật.
- Thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí trong đầu tư xây dựng kho bãi ở các khâu: Lập thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư; Khảo sát, thiết kế xây dựng; Thẩm định, phê duyệt tổng dự toán; Lựa chọn nhà thầu, tổ chức tư vấn giám sát và đấu thầu thi công; Thực hiện dự án; Cấp, thanh toán, quyết toán vốn cho dự án đầu tư.
- Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động trong doanh nghiệp.

**7. Tích cực thực hiện công tác an sinh xã hội**

Đi đôi với việc phát triển sản xuất kinh doanh, PVFCCo- SE phối hợp với Tổng Công ty quan tâm thực hiện công tác an sinh xã hội thông qua một số hoạt động chính:

- Trao nhà tình nghĩa
- Hỗ trợ đồng bào ở các vùng bị thiên tai, khó khăn.
- Trao học bổng cho các cá nhân suất sắc có hoàn cảnh khó khăn.
- Trao quà tặng/ sổ tiết kiệm cho các cá nhân có hoàn cảnh khó khăn.
- Thực hiện các chương trình do các tổ chức Đảng, Công đoàn, Đoàn thanh niên phát động.

**8. Một số giải pháp khác**

Bên cạnh các giải pháp chính nêu trên, Công ty sẽ tập trung vào xây dựng những điểm độc đáo để phục vụ khách hàng như sau:

- Sản phẩm của Công ty là Giải pháp sử dụng hiệu quả phân bón và an toàn với môi trường. Công ty cung cấp phân bón đảm bảo chất lượng, kết hợp 4 nhà (nhà quản lý,

nhà doanh nghiệp, nhà khoa học, nhà nông) để giúp nhà nông sản xuất có hiệu quả cao hơn so với việc sử dụng phân bón từ các nhà cung cấp khác;

- Hai loại phân bón chủ đạo là Urê (do nhà máy Phú Mỹ và nhà máy Cà Mau cung cấp) và NPK chất lượng cao, ổn định và kịp thời;
- Tập trung vào các vùng trọng điểm khu vực Đông Nam Bộ (Tây Ninh, Lâm Đồng, Long An, Đồng Nai, Bình phước, ...), cây trọng điểm (cà phê, cao su, điều, chè, hoa màu, cây ăn trái, ...) và khách hàng trọng điểm, trong đó chú trọng vào các khách hàng là Nông trường, hộ tiêu thụ lớn, trực tiếp.
- PVFCCo SE bước đầu tập trung cung cấp các mặt hàng hoá chất cơ bản như Axít H2SO4, nước Javen NACLo, xút NAOH, HCL, Hóa chất xử lý nước, hóa chất chống kết khối, trên cơ sở đó làm tiền đề cho sự phát triển và mở rộng kinh doanh các hóa chất phục vụ công nghiệp dầu khí và hóa chất phục vụ nông nghiệp. Tập trung vào khách hàng lớn, khách hàng trong ngành dầu khí, và các khách hàng đối tác chiến lược của Công ty.
- Phong cách kinh doanh của PVFCCo- SE: thấu hiểu và thân thiện.
- Sử dụng hiệu quả và tiết kiệm các nguồn lực.
- Uy tín, thương hiệu của PVFCCo SE.
- Sứ mệnh tham gia bình ổn thị trường.
- Làm việc nhóm để trở thành "một đội" mạnh và hướng tới khách hàng.

## 17. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Trên cơ sở thu thập thông tin. phân tích thực trạng hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính hiện nay của PVFCCo SE, Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu Khí dự kiến trong giai đoạn 2012 – 2015, kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của PVFCCo SE là có thể đạt được nếu không chịu ảnh hưởng bởi các sự kiện bất khả kháng. PVFCCo SE là một trong bốn công ty phân phối phân bón có tiền thân là công ty con của Tổng Công ty Phân bón và Hóa Chất Dầu Khí-CTCP, được phân chia phân phối phân bón trên địa bàn các tỉnh Đông Nam Bộ nhờ đó Công ty có ưu thế vượt trội so với các Công ty phân phối trong khu vực nhờ sự hỗ trợ mạnh mẽ từ Tổng Công ty phân bón và hóa chất Dầu khí về nguồn hàng và vốn cũng như hệ thống kho bãi dự trữ hàng hóa.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu Khí lưu ý rằng những nhận xét của chúng tôi chỉ có giá trị tham khảo cho các nhà đầu tư. PSI khuyến cáo các nhà đầu tư nên tham khảo Bản cáo bạch này trước khi quyết định đầu tư. Các thông tin trình bày hoặc các nhận định nêu trên không hàm ý PSI bảo đảm giá trị của cổ phiếu và kết quả đầu tư vào cổ phiếu này.

**18. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của PVFCCo SE**

Không có.

**19. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết**

Không có.

## V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT

**1. Loại chứng khoán**

Loại chứng khoán niêm yết là Cổ phiếu phổ thông

**2. Mệnh giá**

Mệnh giá chứng khoán niêm yết là 10.000 đồng/cổ phiếu (mười nghìn đồng/một cổ phiếu)

**3. Tổng số chứng khoán niêm yết**

Số chứng khoán niêm yết là 12.500.000 cổ phiếu (Mười hai triệu năm trăm ngàn cổ phiếu).

**4. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức phát hành**

| Cổ đông nội bộ | Chức vụ | Số lượng cổ phần nắm giữ | Số lượng cổ phần đại diện | Tổng Cộng | Tỷ lệ/ VĐL |
|---|---|---|---|---|---|
| Ông Trịnh Văn Khiêm | Chủ tịch HĐQT | 20.000 | 3.750.000 | 3.770.000 | 30,16% |
| Ông Dương Trí Hội | Thành viên HĐQT, Giám đốc | 10.000 | 2.500.000 | 2.510.000 | 20,08% |
| Ông Nguyễn Ngọc Hiếu | Thành viên HĐQT | - | 1.562.500 | 1.562.500 | 12,50% |
| Ông Đặng Hữu Thắng | Thành viên HĐQT | - | 1.562.500 | 1.562.500 | 12,50% |
| Ông Lê Quang Thành | Thành viên HĐQT | - | - | - | 0,00% |
| Ông Nguyễn Tiến Sỹ | Phó Giám đốc | 28.000 | - | 28.000 | 0,22% |
| Ông Phạm Tuấn Sơn | Phó Giám đốc | 8.700 | - | 8.700 | 0,07% |

| Cổ đông nội bộ | Chức vụ | Số lượng cổ phần nắm giữ | Số lượng cổ phần đại diện | Tổng Cộng | Tỷ lệ/ VĐL |
|---|---|---|---|---|---|
| Bà Phạm Hoài Hương | Trưởng Ban Kiểm Soát | 11.700 | - | 11.700 | 0,09% |
| Ông Phạm Thành Long | Thành viên Ban kiểm soát | - | - | - | 0,00% |
| Bà Nguyễn Thị Kim Anh | Thành viên Ban kiểm soát | 11.670 | - | 11.670 | 0,09% |
| **TỔNG CỘNG** | | **90.070** | **9.375.000** | **9.465.070** | **75,71%** |

Số lượng cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng theo cam kết của thành viên HĐQT, BKS, BGĐ, KTT tính trên số cổ phần đăng ký niêm yết: Số cổ phần sở hữu: 90.070 cổ phiếu, số cổ phần đại diện cho Tổng Công ty phân bón và Hóa chất Dầu khí- Công ty cổ phần: 9.375.000 cổ phần. Số cổ phiếu này sẽ bị hạn chế chuyển nhượng 100% trong 06 tháng và hạn chế 50% trong 06 tháng tiếp theo.

## 5. Phương pháp tính giá

Giá khởi điểm niêm yết của cổ phiếu PVFCCo SE sẽ được tính theo phương pháp so sánh P/E và P/B với các Công ty cùng ngành. Những thông tin về các thông số giá cổ phiếu, EPS, P/E, và giá trị sổ sách của cổ phiếu được tham chiếu từ Bản tin thị trường Chứng khoán SGDCK Tp. HCM vào ngày 03/07/2012.

**P/E và P/B một số Công ty cùng ngành nghề**

| STT | Tên Công ty | Mã CK | SGDCK | EPS điều chỉnh | P/E | P/B |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | CTCP Nông dược H.A.I | HAI | HSX | 0,54 | 34,51 | 0,86 |
| 2 | CTCP Vật tư Tổng hợp và Phân bón Hóa sinh | HSI | HSX | 1,68 | 4,64 | 0,58 |
| 3 | TCTCP Phân bón và Hóa chất Dầu khí | DPM | HSX | 9,02 | 3,73 | 1,44 |
| | **Trung bình** | | | | **14,29** | **0,96** |

*Nguồn: PSI tổng hợp*

### *5.1. Phương pháp tỷ số thị giá/ thu nhập (P/E):*

Phương pháp này tính giá cổ phần dựa trên thu nhập trên mỗi cổ phần của PVFCCo SE và mức bình quân của hệ số thị giá trên thu nhập của các công ty cùng ngành và cùng quy mô đang niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh. Giá cổ phiếu PVFCCo SE được ước tính như sau:

| Chỉ tiêu | Giá trị |
|---|---|
| Chỉ số P/E trung bình các công ty cùng ngành | 14,29x |
| Lợi nhuận sau thuế năm 2011 | 27.651.319.946 đồng |
| Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân năm 2011 | 12.500.000 cổ phiếu |
| Lợi nhuận trên mỗi cổ phần (EPS) | 2.212 đồng/CP |
| **Giá cổ phần PSE theo phương pháp P/E** | **31.609 đồng** |

### *5.2. Phương pháp tỷ số thị giá/ giá trị sổ sách (P/B):*

Phương pháp này tính giá cổ phần dựa trên giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần của PVFCCo SE và mức bình quân của hệ số thị giá trên giá trị sổ sách của các công ty cùng ngành và cùng quy mô đang niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh. Giá cổ phiếu PVFCCo SE được ước tính như sau:

| Chỉ tiêu | Giá trị |
|---|---|
| Chỉ số P/B trung bình các công ty cùng ngành | 0,96x |
| Vốn chủ sở hữu tại 31/12/2011 | 139.737.925.824 đồng |
| Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân năm 2011 | 12.500.000 cổ phiếu |
| Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần (BV) | 11.179 đồng/CP |
| **Giá cổ phần PSE theo phương pháp P/B** | **10.731 đồng** |

### 5.3. *Tổng hợp giá niêm yết ước tính*:

| P/E | | P/B | | Giá bình quân ước tính |
|---|---|---|---|---|
| *Tỷ trọng* | *Giá* | *Tỷ trọng* | *Giá* | |
| 40% | 31.609 | 60% | 10.731 | **19.081** |

Như vậy, giá cổ phiếu PSE niêm yết dự kiến (làm tròn) là **19.000** đồng/ cổ phiếu.

## 6. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Điều lệ của PVFCCo SE không quy định cụ thể tỷ lệ nắm giữ đối với cổ đông là người nước ngoài. vì vậy cổ đông là người nước ngoài có thể tham gia mua bán cổ phần của Công ty theo quy định của Pháp luật Việt Nam hiện hành.

Khi cổ phiếu của PVFCCo SE được niêm yết giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM, tỷ lệ nắm giữ của người nước ngoài tuân theo quy định hiện hành là 49% theo Quyết định số 55/2009/QĐ-TTg ngày 15/04/2009 của Thủ tướng Chính phủ về tỷ lệ tham gia của bên nước ngoài vào thị trường chứng khoán Việt Nam.

Tỷ lệ nắm giữ của các cổ đông nước ngoài có thể thay đổi theo các quy định của pháp luật tại thời điểm tương ứng.

## 7. Các loại thuế có liên quan

### 7.1. Thuế liên quan đến tổ chức niêm yết chứng khoán

- Thuế GTGT: Theo Thông tư số 129/2008/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2008 của Bộ tài chính "Hướng dẫn thi hành một số điều của luật thuế GTGT và hướng dẫn thi hành nghị định 123/2008/NĐ-CP ngày 08/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế GTGT." Mức thuế suất mà Công ty hiện đang áp dụng là: 5% đối với phân bón; 10% đối với hóa chất; và các hàng hóa khác theo quy định của pháp luật.

- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Theo Thông tư số 130/2008/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2008 của Bộ tài chính "Hướng dẫn thi hành một số điều của luật thuế TNDN số 14/2008/QH12 và hướng dẫn thi hành nghị định 124/2008/NĐ-CP ngày 08/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thuế TNDN", mức thuế Công ty đang áp dụng là 25%.
- Các loại thuế khác (thuế môn bài, thuế thuê đất, thuế thu nhập cá nhân): Công ty kê khai và nộp theo quy định của pháp luật.

### 7.2. Thuế liên quan đến hoạt động giao dịch chứng khoán

**Thông tư số 84/2008/TT-BTC ngày 30 tháng 9 năm 2008 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân và hướng dẫn thi hành Nghị định số 100/2008/NĐ-CP ngày 08/9/2008 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân:**

➢ **Thu nhập tính thuế**: Thu nhập tính thuế từ chuyển nhượng chứng khoán được xác định bằng giá bán chứng khoán trừ giá mua, các chi phí liên quan đến việc chuyển nhượng.

- Giá bán chứng khoán được xác định như sau:
  - + Đối với chứng khoán niêm yết: giá bán chứng khoán là giá chuyển nhượng thực tế trên thị trường chứng khoán tại thời điểm bán. Giá thị trường tại thời điểm bán là giá khớp lệnh do Sở giao dịch chứng khoán hoặc Trung tâm giao dịch chứng khoán công bố.
  - + Đối với chứng khoán của công ty đại chúng chưa niêm yết nhưng đã thực hiện đăng ký giao dịch tại Trung tâm giao dịch chứng khoán thì giá bán chứng khoán là giá chuyển nhượng thực tế tại Trung tâm giao dịch chứng khoán.
  - + Đối với chứng khoán của các công ty không thuộc các trường hợp nêu trên thì giá bán chứng khoán là giá chuyển nhượng ghi trên hợp đồng chuyển nhượng hoặc giá theo sổ sách kế toán của đơn vị có chứng khoán được chuyển nhượng tại thời điểm bán.
  - + Trường hợp hợp đồng chuyển nhượng không quy định giá chuyển nhượng hoặc giá chuyển nhượng trên hợp đồng không phù hợp với giá thị trường thì cơ quan thuế có quyền ấn định giá chuyển nhượng theo qui định của Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật.

- Giá mua chứng khoán được xác định như sau:
  + Đối với chứng khoán niêm yết: giá mua chứng khoán là giá thực tế mua tại Sở giao dịch chứng khoán, Trung tâm giao dịch chứng khoán.
  + Đối với chứng khoán của công ty đại chúng chưa niêm yết nhưng đã thực hiện đăng ký giao dịch tại Trung tâm giao dịch chứng khoán thì giá mua chứng khoán là giá thực tế mua tại Trung tâm giao dịch chứng khoán.
  + Đối với chứng khoán mua thông qua đấu giá thì giá mua là giá trúng đấu giá.
  + Đối với chứng khoán không thuộc các trường hợp nêu trên: Giá mua chứng khoán là giá ghi trên hợp đồng chuyển nhượng hoặc giá theo sổ sách kế toán của đơn vị có chứng khoán tại thời điểm mua.
  + Trường hợp trên hợp đồng không quy định giá mua hoặc giá mua cao hơn giá theo sổ sách kế toán của đơn vị có chứng khoán tại thời điểm mua không phù hợp với giá thị trường thì cơ quan thuế có quyền ấn định giá mua.
- Các chi phí hợp lệ được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế đối với chuyển nhượng chứng khoán là các khoản chi phí thực tế phát sinh của hoạt động chuyển nhượng chứng khoán có hoá đơn, chứng từ theo chế độ quy định bao gồm:
  + Chi phí để làm các thủ tục pháp lý cần thiết cho việc chuyển nhượng;
  + Các khoản phí và lệ phí người chuyển nhượng nộp ngân sách nhà nước khi làm thủ tục chuyển nhượng;
  + Phí lưu ký chứng khoán theo quy định của Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước và chứng từ thu của công ty chứng khoán;
  + Phí uỷ thác chứng khoán căn cứ vào chứng từ thu của đơn vị nhận uỷ thác;
  + Các khoản chi phí khác có chứng từ chứng minh.

➢ **Thuế suất và cách tính thuế:**

***Trường hợp cá nhân chuyển nhượng chứng khoán đăng ký nộp thuế theo biểu thuế toàn phần với thuế suất là 20%. Cá nhân áp dụng thuế suất 20% đối với chuyển nhượng chứng khoán phải đáp ứng các yêu cầu sau:***

- Đăng ký phương pháp nộp thuế theo mẫu số 15/ĐK-TNCN với cơ quan thuế trực tiếp quản lý công ty chứng khoán mà cá nhân đăng ký giao dịch hoặc Chi cục Thuế nơi cá nhân cư trú. Thời hạn đăng ký được thực hiện như sau:

+ Năm 2009: cá nhân kinh doanh chứng khoán phải đăng ký ngay từ đầu năm, thời hạn đăng ký chậm nhất là ngày 31 tháng 3 năm 2009.

+ Từ năm 2010 trở đi cá nhân kinh doanh chứng khoán phải đăng ký chậm nhất là ngày 31 tháng 12 của năm trước.

- Thực hiện đăng ký thuế và có mã số thuế.
- Thực hiện chế độ kế toán hoá đơn chứng từ. xác định được thu nhập tính thuế từ việc chuyển nhượng chứng khoán theo quy định.
- Việc áp dụng thuế suất 20% phải tính trên tổng các loại chứng khoán đã giao dịch trong năm dương lịch.
- Cách tính thuế thu nhập cá nhân phải nộp như sau:

Thuế thu nhập cá nhân phải nộp = Thu nhập tính thuế X Thuế suất 20%

Cá nhân chuyển nhượng chứng khoán đã đăng ký nộp thuế theo thuế suất 20% vẫn phải tạm nộp thuế theo thuế suất 0.1% trên giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần.

***Trường hợp cá nhân chuyển nhượng chứng khoán không đăng ký nộp thuế theo biểu thuế toàn phần với thuế suất là 20% thì áp dụng thuế suất 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng khoản từng lần.***

Cách tính thuế phải nộp như sau:

Thuế thu nhập cá nhân phải nộp = Giá chuyển nhượng X Thuế suất 0,1%

➢ **Thời điểm xác định thu nhập tính thuế**

Thời điểm xác định thu nhập tính thuế từ hoạt động chuyển nhượng chứng khoán được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết là thời điểm Trung tâm giao dịch hoặc Sở giao dịch chứng khoán công bố giá thực hiện.
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết nhưng đã thực hiện đăng ký giao dịch tại Trung tâm giao dịch chứng khoán là thời điểm Trung tâm giao dịch công bố giá thực hiện.
- Đối với chứng khoán không thuộc trường hợp nêu trên là thời điểm hợp đồng chuyển nhượng chứng khoán có hiệu lực. Trường hợp không có hợp đồng chuyển nhượng

chứng khoán thì thời điểm tính thuế là thời điểm đăng ký chuyển tên sở hữu chứng khoán.

## VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT

### 1. TỔ CHỨC TƯ VẤN NIÊM YẾT

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ (PSI)**

***- Trụ sở chính:***

- Địa chỉ: 18 Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Tp.Hà Nội
- Điện thoại: 04.3934 3888
- Fax: 04.3934 3999
- Website: www.psi.vn
- Email: psi@psi.vn

***- Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh:***

- Địa chỉ: 24-26, Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM
- Điện thoại: 08.3914 6789 Fax: 08.3914 6969

***- Chi nhánh Vũng Tàu:***

- Địa chỉ: Phòng 112, Tòa nhà Petro Tower, Số 8 Hoàng Diệu, Tp.Vũng Tàu
- Điện thoại: 064.6254 522 Fax: 064.6254 521

***-Chi nhánh Đà Nẵng:***

- Địa chỉ: Số 53 Lê Hồng Phong, Quận Hải Châu, Tp.Đà Nẵng
- Điện thoại: 0511.3899 338 Fax: 0511.3899 339

### 2. TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

**CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

- Địa chỉ: Số 8, Phạm Ngọc Thạch, Quận Đống Đa, Tp.Hà Nội
- Điện thoại: 04.3852 4123 Fax: 04.3852 4143
- Website: www.deloitte.com.vn

## VII. PHỤ LỤC

**1. Phụ lục I: Điều lệ Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ**

**2. Phục lục II: Những văn bản pháp luật liên quan đến tổ chức niêm yết**

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số: 0305918852 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh đăng ký lần đầu ngày 18/08/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 11/04/2011.

**3. Phụ lục III: Các báo cáo tài chính**

- Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2009 của Công ty TNHH Một thành viên Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ.
- Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2010 của Công ty TNHH Một thành viên Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ.
- Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2011 của Công ty TNHH Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ.
- Báo cáo tài chính soát xét 6 tháng 2012 của Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ.

**4. Phụ lục IV: Các văn bản khác**

- Nghị quyết ĐHCĐ thông qua việc niêm yết cổ phiếu Công ty.
- Quy chế quản trị Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ.

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 09 năm 2012*

**CHỮ KÝ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ. GIÁM ĐỐC. TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT. KẾ TOÁN TRƯỞNG**

| CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ | GIÁM ĐỐC |
|---|---|
| TRỊNH VĂN KHIÊM | DƯƠNG TRÍ HỘI |
| **TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT** | **KẾ TOÁN TRƯỞNG** |
| PHẠM HOÀI HƯƠNG | VÕ NGỌC PHƯƠNG |

**CHỮ KÝ CỦA TỔ CHỨC TƯ VẤN NIÊM YẾT**
**PHÓ GIÁM ĐỐC CÔNG TY- GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH TP.HCM**

TRẦN HÙNG DŨNG